

Viết gì cũng không trúng, là trúng
Nói gì cũng không trúng, là trúng
Nghĩ gì cũng không trúng, là trúng

Như Huyền Thiền Sư

NHƯ HUYỀN THIÊN SƯ

NHỮNG CHIẾC LÁ TRONG TAY

NHẬN THỨC LẼ ĐÚNG SAI TRÊN ĐƯỜNG TU PHẬT

Website:

www.chuavietnam.com

www.pgvn-haitrieuam.com

www.lieulieuduong.org

www.phatphapdaithua.com

**Liễu Liễu Đường, Đồi Tà Dương, Thôn Lạc Sơn, Xã Phú Sơn Lâm Hà, Lâm Đồng
ĐT. 063.2220809 - 063.3855880**

LỜI ĐẦU SÁCH

Hiết tập sách nhỏ NHỮNG CHIẾC LÁ TRONG TAY này, do tôi nhớ hình ảnh của đức Phật thân mật truyền thụ pháp yếu cho các học trò mình dưới bóng cây một rừng cổ thụ. Hồi đó, kinh chép đại để rằng: Sau giờ khát thực, Phật cùng các đệ tử Tỳ kheo Tăng quy tụ chỗ bóng mát của một khu rừng, thầy trò đồng thọ thực. Theo lệ thường thọ trai xong đức Phật dạy bảo truyền cho đệ tử một thời PHÁP YẾU. Chẳng hạn như:

“Khổ, các thầy nên biết. Tập, các thầy nên đoạn. Diệt, các thầy nên chứng. Đạo, các thầy cần tu...”

VĂN HUỆ, TƯ HUỆ, TU HUỆ các thầy phải ôn tập, phát triển thường xuyên. GIỚI HỌC, ĐỊNH HỌC, TUỆ HỌC là đối tượng thiền không nên xao lãng... các thầy phải tinh tấn trên bước đường tu học. Phải học, học nữa và học mãi. Sự học hỏi không bao giờ cùng tận.

Đối tượng tham thiền quán chiếu là vạn tượng của vũ trụ đang dần trải và luôn luôn hiện hữu ở trước mắt. Tất cả “Hữu vi pháp” đều là đối tượng tham thiền.

Người giỏi thiền mọi môi trường, mọi hoàn cảnh đều là đối tượng thiền. Các thầy hãy tinh tấn, tinh tấn vận dụng “tâm thiền” cho cả “tứ oai nghi” !

Này! Các thầy Tỳ kheo, những điều Như Lai nói, những điều Như Lai dạy bảo cho các thầy còn ít lắm. Lúc bấy giờ, đức Phật đưa tay bốc lấy một nắm lá khô đưa lên trước các Tỳ kheo và hỏi: Các thầy xem thấy những chiếc lá trong tay Như Lai so với lá rừng cỏ thụ lá nào ít, lá nào nhiều?... Phật dạy tiếp: Những giáo pháp mà Như Lai đã nói đã chỉ dạy các thầy ít như: NHỮNG CHIẾC LÁ TRONG TAY, còn những giáo pháp Như Lai chứng biết nhiều mà chưa nói như lá cây rừng cỏ thụ” !

Những đề tài nho nhỏ, tôi viết ra quyển tập sách nhỏ này, đối với kho tàng giáo lý thậm thâm đồ sộ của đạo Phật thì đấy chỉ là NHỮNG CHIẾC LÁ TRONG TAY.

Các thiện hữu tri thức của tôi gần xa, các Phật tử đó đây nếu hữu duyên mà đọc có được tí ít lợi nào thì xem đó là sự đền đáp lại công lao mà mình đã nhọc nhằn “đãi cát”...

Liễu Liễu Đường

Ngày 15/10/2011 (19-9-Tân Mão)

Đối tượng tham thiền 1

ĐẠO PHẬT

Đạo Phật là con đường đi đến địa vị Phật, địa vị Phật tức là quả Phật, quả Phật là kết quả, là hoa trái của người tu nhân trí tuệ đạt đến đích cùng tột đỉnh cao. Quả vị ấy đạo Phật gọi là **VÔ THƯỢNG BỒ ĐỀ**, cũng gọi là quả **VÔ THƯỢNG CHÁNH BIẾN TRI GIÁC**. Người đạt đến địa vị Vô thượng Chánh Biến Tri Giác ấy, người thế gian gọi đó là **PHẬT**.

Phật nói đủ **PHẬT ĐÀ DA**, Trung Hoa dịch Giác giả. Giác giả có nghĩa là người tỉnh thức, người giác ngộ chân lý vũ trụ một cách toàn diện. Đức Thích Ca Mâu Ni qua quá trình 5 năm tìm học đạo, 6 năm tu tập bồi dưỡng trí tuệ, tư duy (thiền định) chân lý, quán chiếu sự vật hiện tượng. Suốt thời gian trên dưới 10 năm ấy, cuối cùng vị hoàng tử đã thành công. Từ đấy người trần gian gọi Ngài là Phật, Phật Thích Ca Mâu Ni !

Phật Thích Ca Mâu Ni được người thế gian tôn vinh là Phật tức là bậc Giác ngộ chân lý trọn vẹn tột đỉnh cao. Dù vậy, đức Phật không bao giờ khởi một

niệm tự tôn mình như những đấng siêu nhân, siêu nhiên nào khác...!

Với nhân loại, trong đó có những người chịu học nguồn giáo lý của đạo Phật, bằng lòng là đệ tử Phật, đức Phật vẫn đĩnh ninh nhắc nhở họ rằng: Nếu tôn trọng Phật thì nên tôn trọng như một vị Đạo sư, đừng bao giờ tôn vinh Phật như người ta tôn vinh một đấng thần linh quyền uy... vô tận...!

Đức Phật Thích Ca tự ví mình là Đạo sư, là Y sư, là Pháp vương đối với loài người, vì trí tuệ của đức Phật, biện tài của đức Phật và sự giải thoát giác ngộ của đức Phật đủ khả năng dẫn đường chỉ lối, đủ khả năng cho thuốc trị bệnh phiền não khổ đau và đủ khả năng chỉ bày dẫn dắt cho những ai muốn ra khỏi những thống khổ của kiếp người! Do vậy, phát xuất từ lòng tôn kính sâu xa người ta vinh danh đức Phật qua cái tôn hiệu: TAM GIỚI CHI ĐẠO SƯ, TỬ SANH CHI TỪ PHỤ và người ta cũng gọi Phật qua tôn hiệu ĐẤNG PHÁP VƯƠNG nữa !

Học sâu Tam tạng giáo điển Phật, ta được hiểu thêm rằng Phật Thích Ca cũng như chư Phật mười phương, mỗi đức Phật cùng có 10 đức hiệu như nhau: NHƯ LAI, ỨNG CÚNG, CHÁNH BIẾN TRI, MINH HẠNH TỨC, THIÊN THỆ, THẾ GIAN GIẢI, VÔ THƯỢNG SĨ ĐIỀU NGỰ TRƯỢNG PHU, THIÊN

NHƠN SỰ, PHẬT, THẾ TÔN. Do vậy, Phật chỉ là một đức hiệu trong mười đức hiệu ấy.

Người đệ tử Phật học Phật muốn đi theo con đường giải thoát giác ngộ để đến địa vị Phật, để thành Phật đừng bao giờ quên rằng Phật cũng như mười phương chư Phật đều từ con người mà được Quả vị ấy. Có lúc, có nơi người ta tôn vinh Phật qua danh hiệu cao quý: Ta bà giáo chủ, rằng đức Phật là giáo chủ cõi Ta bà. Dù tôn hiệu cao quý nhưng vai trò giáo chủ cũng chỉ có cùng một ý nghĩa với Đạo sư, Y sư... Vô thượng Pháp Vương mà thôi! Đức Phật không là một đấng... gì siêu nhiên... tuyệt đối... gì hết !

Người tín mộ đạo Phật phát tâm tu theo đạo Phật là người nguyện đi theo con đường tự giác, giác tha của đạo Phật. Xưa kia đức Phật Thích Ca thành công viên mãn con đường tự giác là do ý chí đại hùng, đại lực của mình chứ không do ai khác. Tu tập bồi dưỡng kích khởi tự nhiên trí, vô sư trí, nhất thiết trí và nhất thiết chủng trí vốn có của mình, bừng sáng soi rọi nhận thức tận cùng chân lý vũ trụ thì gọi đó là thành Phật. Nhưng qua sự quán chiếu và tư duy của Thiền giả hành thâm Bát nhã ba la mật thì thấy rõ Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng có thành... gì !...

Liễu Liễu Đường

Ngày 16/10/2011 (20-9-Tân Mão)

Đối tượng tham thiền 2

ĐẠO PHẬT LÀ TÔN GIÁO ?

Từ khi thái tử Tất Đạt Đa quyết chí xuất gia tầm đạo, suốt quá trình học đạo, hành đạo cho đến ngày chứng đạo thành bậc Vô thượng Chánh Biến Tri Giác, Người không hề có một lần cầu khẩn, van xin, lạy lục ở những thần thánh vô hình hay một đấng siêu nhân, siêu nhiên nào. Tu theo đạo Phật là người bằng lòng đi theo con đường tự giác, tự ngộ, lấy giáo lý Giới Định Tuệ làm nhân tu tập, thành tựu Giải thoát, Giải thoát tri kiến là quả chứng.

Giáo lý nhân quả và giáo lý nhân duyên là hai nguồn giáo lý then chốt trong đạo Phật. Dựa trên hai nguồn giáo lý ấy mà tu tập, mà tư duy quán chiếu tìm ra chân lý cho đến khi giác ngộ nhận thức toàn diện chân lý của vũ trụ và nhân sinh. Đó là ngày thành tựu quả Vô thượng Chánh Biến Tri Giác hay gọi là Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, cũng gọi là Vô thượng Bồ Đề.

Đạo Phật và toàn bộ kinh điển giáo lý Phật dạy rằng: Con người và tâm con người là chủ thể nhận thức vũ trụ và nhân sinh.

Dựa vào cơ sở nhận thức đó, người trí có thể hiểu vấn đề đạo Phật là TÔN GIÁO hay không là TÔN GIÁO không còn là vấn đề khó hiểu nữa.

Tôn giáo luôn luôn đi đôi với tín ngưỡng. Đã từ lâu người ta nhận thức và phân tích rằng đức tin của con người tôn giáo có hai khuynh hướng: Một là “nhất thần giáo”, hai là “đa thần giáo”.

1) Nhất thần giáo, người ta tin rằng vũ trụ vạn hữu cõi đời này do một thần linh, thần linh ấy là một đấng thần quyền toàn năng, toàn tài, toàn trí, toàn đức, là một đấng chúa tể tạo ra hết thảy hiện tượng vạn vật và sắp xếp vạn vật theo ý định của mình. Cho nên người ta gọi là Đấng sáng tạo hay Thiên Chúa, tức là ĐỨC CHÚA TRỜI. Tín đồ đạo Thiên chúa tin đức Chúa trời là độc tôn duy nhất, tự sinh mà không bao giờ diệt, vì Chúa trời là Đấng vĩnh hằng vô tiền khoáng hậu.

Người tín ngưỡng Thiên chúa đều tin như vậy. Người ta gọi thành phần người tín ngưỡng theo khuynh hướng này là nhất thần giáo.

Về giáo lý, nhất thần giáo tu học theo giáo điều chủ nghĩa, người tín đồ cũng gọi là tín hữu

tuyệt đối tuân hành, chỉ phải phục tùng mà không được khởi ý nghi ngờ hay nhận xét gì về lời đức Chúa trời phán dạy ra.

Thiên chúa giáo theo khuynh hướng nhất thần, vì chỉ tôn thờ một đấng toàn quyền, toàn năng... một đấng sáng tạo. Nhưng suy nghiệm sâu xa thì Thiên chúa giáo không hẳn nhất thần giáo, vì Thiên chúa giáo còn chấp nhận tín ngưỡng “thánh, thần”. Cho tới thế kỷ XXI này, nhân loại trên thế giới tin và theo nhất thần giáo khá đông. Ngoài Thiên chúa giáo ra còn có nhiều tôn giáo khác cùng một lý tưởng một đức tin như vậy.

2) Về khuynh hướng đa thần khác, có thể nói riêng người châu Á trên địa bàn lục địa lớn lao, đa thần giáo phát triển và tồn tại một cách thịnh vượng trên một mặt bằng rộng lớn của thế giới. Thí dụ, Ấn Độ có Bà la môn giáo, Ấn giáo... Trung Quốc có Khổng giáo, Lão giáo... và Phật giáo lai căn... Ở Việt Nam cũng nhiều tôn giáo như vậy. Nhìn xa hơn một chút ở Nhật, Campuchia, Lào, Thái Lan, Tích Lan.v.v... cũng rất nhiều tôn giáo theo khuynh hướng đa thần.

Tất cả người có đức tin và theo khuynh hướng nhất thần cũng như đa thần đều được gọi là người có

tín ngưỡng và như đã nói trên tín ngưỡng và tôn giáo là đức tin của người có tôn giáo.

Đức tin của đạo Phật, của tín đồ đạo Phật không là tín ngưỡng. Giáo lý kinh điển của đạo Phật dạy ra không là giáo điều. Thế cho nên, người tu học đạo Phật, vào đạo Phật không cần phải đòi hỏi đạo mình theo, phải là một... TÔN GIÁO !

Sự thật ĐẠO PHẬT không là TÔN GIÁO vì đạo Phật không cần hình thức hay nghi lễ tôn giáo gán ghép thêm cho đạo Phật để làm gì !

Liễu Liễu Đường

Ngày 20/10/2011 (24-9-Tân Mão)



Đối tượng tham thiền 3

ĐÍCH ĐẾN CỦA ĐẠO PHẬT QUA THIÊN THỪA PHẬT GIÁO

Có đích đến tất phải có lộ trình đi, phải có đi mới có đến, không đi thì không có đến. Người tu học Phật pháp thâm hậu, trí tuệ mở mang nhận thức nguồn giáo lý NHẤT CHƠN PHÁP GIỚI và BẤT NHI PHÁP MÔN của đạo Phật. Bấy giờ chợt tỏ ngộ rằng, đến chẳng có đến đâu và đi cũng chẳng có đi đâu. Bởi vì: “Nhất địa cụ túc nhất thiết địa”, “Niết bàn sanh tử đẳng không hoa”... mà! Đó là nguồn tư tưởng Liễu nghĩa Thượng thừa qua cái nhìn pháp nhãn của một Thiền giả, Thiền sư trong đạo Phật.

Đứng bên tục đế, người sử dụng thiên nhãn hay nhục nhãn, người ta thấy đích đến và lộ trình đi, có đi và có đến. Đích đến của đạo Phật là quả Vô thượng Bồ đề, là Niết bàn, cũng có thể gọi với một tên khác là cõi Cực lạc hay Tịnh độ. Muốn đến thì

phải đi giống như sự sinh hoạt hằng ngày của người đi chợ hay đi đến một công sở, một xí nghiệp vậy... như người học trò phải siêng năng học tập mới có thể đỗ đạt thành tài để trở thành bác sĩ... như ông cha mình, lại cũng như người nông phu phải cày bừa, gieo giống trồng cây, đến mùa mới có lúa ngô, hoa trái. Đó là kết quả, là sự đền trả của nông phu hai sương một nắng ấy.

Người học đạo, hành đạo và mong cầu đạt đạo, chứng đạo trong đạo Phật cũng không rời đạo lý nhân quả. Không gieo nhân muốn có quả, điều đó không có trong nền đạo lý của Phật.

Ba nghiệp thân, bốn nghiệp khẩu, ba nghiệp ý của chính mình là đối tượng quán chiếu và tư duy căn bản của một người đệ tử Phật. Không giết người mà giúp người, không trộm cắp mà phóng xả, không tà dâm mà liêm trinh. Không nói dối, không nói đâm thọc, không nói thêu dệt, không nói độc ác mà còn nói lời lành, lời tốt, nói lời có lợi lạc cho nhiều người. Không tham mà bố thí, không sân mà nhu nhuyến mà thương người thương vật, không si mà nhận thức được những gì dục vọng đam mê sai trái... Kinh Phật gọi đó là Thập Thiện Nghiệp. Trái lại giết người, trộm cướp, tà dâm, nói láo, nói đâm

thọc, nói thù dật, nói độc ác, nhiều tham lam, nhiều giận dữ, nhiều si mê, kinh gọi đó là Thập Ác Nghiệp.

Người thực hành Thập Thiện Nghiệp là người cày bừa, gieo trồng nhân tốt. Người thực hành Thập Thiện Nghiệp là người đi trên lộ trình thẳng tắp và bình an. Trái lại, người sống theo Thập Ác Nghiệp là người gieo trồng nhân đắng, quả độc. Người sống theo Thập Ác Nghiệp là người đi trên con đường chông gai hầm hố quanh co nguy hiểm.

Thập Thiện Nghiệp là một đối tượng thiện cho tất cả những người Phật tử đã quy y Tam bảo thường xuyên tu học. Quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng rồi, mà chưa biết gì về Thập Thiện Nghiệp, cũng như chưa biết gì về Thập Ác Nghiệp thì sự phát tâm quy y Tam bảo là một hình thức không cần thiết, thậm chí người Phật tử ấy có thể trở thành người tham vọng si mê, là người tà kiến nặng nề.

Người tu Thập Thiện Nghiệp gọi là Thiên thừa Phật giáo, hưởng quả hạnh phúc an vui của người tu Thiên thừa Phật giáo là Trời. Trời trong đạo Phật là những ai đã hưởng được quả an vui do tu Thập Thiện Nghiệp ấy, trời là đích đến của Phật giáo Thiên thừa.

Nói thấp hơn, thành phần: vua, quan, công, nông, sĩ, thứ,... tất cả người trí trong xã hội là kết

quả do tu tập theo lộ trình Tam quy Ngũ giới, và đó là đích đến của Nhơn thừa Phật giáo trong đạo Phật.

Vào đạo Phật, sơ cơ là Tam quy Ngũ giới Nhơn thừa, bước lên một bước tu giáo lý Thập Thiện Nghiệp gọi là Thiên thừa. Dù Nhơn thừa, Thiên thừa cũng đều dựa trên nền giáo lý then chốt nhân quả trong đạo Phật mà người ta có thể đoán định được hoa trái của ai đó gặt hái ở tương lai.

Làm theo năng lực, hưởng theo lao động, ngôn thuyết và ý tưởng của một thời cận đại. Nhưng ý tưởng đó người đệ tử Phật có thể vận dụng để tư duy quán chiếu và biết được hiện tại đường đi và tương lai đích đến của mình.

Phải có lộ trình đi mới tới được điểm đến, phải gieo trồng cây hạt mới có hoa trái ở tháng năm sau. Lễ bái, khẩn khứa, van xin, thiết tha cầu nguyện mong sự giúp đỡ nào đó của tha lực băng quơ, người đệ tử Phật không để mình rơi vào cái quỹ đạo tà kiến của tưởng tượng hoang đường.

Liễu Liễu Đường

Ngày 21/10/2011 (25-9-Tân Mão)

Đối tượng tham thiền 4

ĐÍCH ĐẾN CỦA ĐẠO PHẬT QUA THANH VĂN THỪA PHẬT GIÁO

Thanh văn thừa là cỗ xe Thanh văn, cỗ xe của những người vận dụng tánh lóng lạng của nhĩ căn nghe âm thanh khai đạo giáo hóa hướng dẫn tu tập của Thầy mình. A La Hán quả là đích đến, Thanh văn thừa là lộ trình đi, giáo lý Tứ Diệu Đế là phương tiện, công cụ chuyển tải. Đức Phật thuyết thời pháp đầu tiên gọi là chuyển pháp luân ở Lộc Dã Uyển và cũng tại trụ xứ này, TỐI SỞ TAM BẢO hiện hữu từ đây. Phật Thích Ca thuyết Tứ Diệu Đế pháp được chuyển rung động đất trời, Tăng Khất sĩ: Kiều Trần Như, A Thấp Bệ, Thập Lực Ca Diếp, Ma Ha Nam và Bạt Đà Nan Đề, năm bạn cố nhân lắng nghe, tiếp thu chánh pháp mà chứng được quả A La Hán. Phật, Pháp, Tăng, Tam bảo hiện thế mở màn cho đường lối hóa đạo dựa trên chân lý: VẤN, TỬ, TU của đạo Phật từ đây !

Vận dụng VẤN, TỬ, TU để truyền đạt tư tưởng, mở mang trí thức cho học trò, áp dụng VẤN, TỬ, TU để

xiển dương chánh pháp, truyền dạy chân lý cho mọi người, rõ là một phương thức sư phạm vô tiền khoáng hậu. Tu học theo phương pháp VẤN, TƯ, TU khiến cho người học trò hay tín đồ của một tôn giáo nào đó tự thấy mình có quyền giương cao ngọn cờ: dân chủ, dân quyền, độc lập và tự do trên đường học đạo, hành đạo và chứng đạo.

Quán thân bất tịnh, quán thọ thị khổ, quán tâm vô thường và quán pháp vô ngã gọi là Tứ Niệm Xứ quán. Tứ Niệm Xứ quán là đối tượng thiền cực kỳ hữu hiệu dựa trên cơ sở “Ngũ uẩn giai không” trong nền giáo lý của đạo Phật. Tiếp sau Tứ Niệm Xứ còn có tất cả 33 món nữa gọi chung là 37 món trợ đạo, đều là những đối tượng thiền thâm hậu, có công năng đoạn trừ trần sa hoặc, kiến hoặc và phần thô của tư hoặc. Ba mươi bảy phần trợ đạo là tư lương hành trang, là công cụ để trợ giúp chuyển tải đưa người nhĩ thừa đến đích: A La Hán quả.

Ba mươi bảy món trợ đạo là:

- TỨ NIỆM XỨ: Thân bất tịnh. Thọ thị khổ. Tâm vô thường. Pháp vô ngã như đã nói trên.

- TỨ CHÁNH CĂN: Việc thiện đã sanh. Việc thiện chưa sanh. Việc ác đã sanh. Việc ác chưa sanh.

- TỨ NHƯ Ý TỨC: Dục. Tinh tấn. Hỷ. Nhất tâm.

- NGŨ CĂN: Tín. Tấn. Niệm. Định. Huệ.

- NGŨ LỰC: Tín. Tấn. Niệm. Định. Huệ.

- THẤT BỒ ĐỀ PHẦN: Trạch pháp. Tinh tấn. Hỷ. Khinh an. Niệm. Định. Xả.

- BÁT CHÁNH ĐẠO PHẦN: Chánh kiến. Chánh tư duy. Chánh ngữ. Chánh nghiệp. Chánh mệnh. Chánh tinh tấn. Chánh niệm. Chánh định.

Tu theo giáo lý Tứ Diệu Đế, người đệ tử Phật nhận thức rõ nguồn chân lý nhân quả tuyệt đãi vô tiền khoáng hậu. Đó là chân lý nhân quả và nhân duyên.

KHOẺ ĐẾ và TẬP ĐẾ là nhân quả và nhân duyên pháp thế gian.

DIỆT ĐẾ và ĐẠO ĐẾ là nhân quả và nhân duyên pháp xuất thế gian.

Đích đến của người Thanh văn thừa là địa vị A La Hán, đạt đến địa vị A La Hán là những người đã gột rửa, buông bỏ tất cả những nguyên nhân và hậu quả khổ đau trong tam giới. Thuật ngữ đạo Phật gọi đó là những người xuất ly tam giới.

Hàng A La Hán do NGHE pháp âm của Phật mà TƯ DUY (thiền định) rồi TU SỬA trau dồi thân, khẩu, ý tam nghiệp mà thành công.

Liễu Liễu Đường

Ngày 22/10/2011 (26-9-Tân Mão)

Đối tượng tham thiền 5

ĐÍCH ĐẾN CỦA ĐẠO PHẬT

QUA DUYÊN GIÁC THỪA PHẬT GIÁO

Duyên giác thừa là cỗ xe Duyên giác, cỗ xe chuyển tải những người quán chiếu thiền định giáo lý “Nhân duyên sanh” mà tỏ ngộ chân lý, chứng đạo giải thoát. Đích đến của hạng người này là quả vị BÍCH CHI PHẬT. Tiến trình tu chứng của Bích Chi Phật, quy ước gọi là Trung thừa Phật giáo.

Hiểu sâu sắc, đầy đủ trọn vẹn hơn, Bích Chi Phật còn là đích đến của hạng người “Độc giác” nữa. Thành phần người này, họ vẫn tu thiền quán dựa trên đạo lý nhân duyên của hiện tượng vạn vật, họ tự tu, tự ngộ, tự chứng, họ không phải nhờ Phật giúp đỡ chỉ bảo như hạng người Duyên giác.

Người Duyên giác tiếp nhận nhân duyên qua giáo lý “Thập Nhị Nhân Duyên” do đức Phật trực tiếp triển khai. Giáo lý Thập Nhị Nhân Duyên dựa vào chính thể của một cá thể hoàn chỉnh, gọi là con

người và trọn kiếp sống của con người ấy, rồi phân tích, rồi quán chiếu, tư duy.

Thập Nhị Nhân Duyên là: Vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử.

Ở Tiểu thừa, Phật dạy cho hàng Thanh văn học về hợp thể của ngũ uẩn giả hợp duyên sanh mà chứng đạo. Ở Trung thừa, Phật khai thị cho hàng Duyên giác về con người là hợp thể của mười hai món tương duyên, tương tác mà hình thành.

Nguồn giáo lý then chốt của đạo Phật chỉ ra rằng: hợp thể của ngũ uẩn chỉ là một hợp thể, cho nên thân ngũ uẩn của mọi con người đều phải chịu sự chi phối của vô thường, vô ngã, khổ và bất tịnh. Hợp thể của Thập nhị nhân duyên cũng chỉ là một chỉnh thể con người, cho nên con người ngũ uẩn có sanh thì có khổ đã đành, mà con người với chỉnh thể Thập nhị nhân duyên cũng chịu sự chi phối của lão, tử, ưu bi, khổ não như vậy.

Tuy nhiên, nguồn giáo lý Trung thừa này, nhằm mở mang tri kiến, bồi dưỡng nâng cao trí tuệ cho hành giả lên tầng cao mới. Đức Phật dạy: Một con người hợp thể của Thập nhị nhân duyên ấy không có gì xấu xa đáng chê, đáng trách, cũng

không có gì phải đáng sợ hãi như sợ sanh, lão, bệnh, tử, ưu bi, khổ não... Người ta chê trách, thậm chí chán chường về cái thân hợp thể Thập nhị nhân duyên, người ta sợ hãi và khổ đau cùng cực về sanh, lão, bệnh, tử... đều bởi động cơ xuất phát từ ÔNG CHỦ NGỰC VÔ MINH. Do vô minh nghiệp tướng phát triển ra năng kiến tướng và cảnh giới tướng... Từ đó ái sanh, ái sanh thì thủ sanh, thủ sanh thì hữu sanh, hữu sanh thì sanh vô vàn khổ đau và sợ hãi về sanh, lão, bệnh, tử...

Đức Phật cho biết: Mỗi một nỗi thống khổ của kiếp con người trong khổ đế do con người chấp ngã, chấp nhân, chấp chúng sanh, chấp thọ giả mà ra.

Ở nguồn giáo lý Trung thừa này, đức Phật hé cánh cửa, chỉ hé cánh cửa thôi để chỉ cho hàng đệ tử nhìn và hiểu thoáng qua đỉnh cao chân lý: THƯỜNG, LẠC, NGÃ, TỊNH, những gia bảo vốn có của mình.

Liễu Liễu Đường

5 giờ 30, ngày 23/10/2011

(27-9-Tân Mão)

Đối tượng tham thiền 6

ĐÍCH ĐẾN CỦA ĐẠO PHẬT QUA PHẬT NHÃN ĐẠI THỪA PHẬT GIÁO

Đại thừa là cỗ xe lớn, cỗ xe chuyên chở những người có chủng tánh lớn, căn cơ lớn, trình độ lớn, có khả năng tiếp nhận chân lý dễ dàng đưa mình lên đến đích tột đỉnh cao trong đạo Phật: Thành Phật. Phật Thích Ca Mâu Ni là một người đã từng được chuyên chở qua cỗ xe Đại thừa ấy. Thành Phật là đích đến trong đạo Phật, thành Phật là đích đến của những ai bằng lòng đi trên lộ trình học đạo, hành đạo, chứng đạo trong đạo Phật.

Tuy nhiên, tìm hiểu đích đến của những người Đại thừa Phật giáo, của một vị Phật, người trí phải hiểu biết và nhìn qua hai mặt **CHƠN ĐẾ**, **TỤC ĐẾ**; **VÔ VI**, **HỮU VI**; **ĐỆ NHẤT NGHĨA** và **PHƯƠNG TIÊN** mới nhận thức được đích thực vấn đề.

Nhìn qua nhục nhãn người ta thấy rõ rằng Phật Thích Ca vốn là một hoàng tử từ bỏ xa lánh ngai vàng, vợ đẹp con xinh, dấn thân rừng thẳm non cao tìm đạo, học đạo, hành đạo... cho đến năm 30 tuổi Khất sĩ Tất Đạt Đa thành Phật. Nhìn bên tục đế, không ai có quyền phủ nhận ngày thành Phật là ngày đến đích tột đỉnh cao trên con đường lý tưởng của đạo Phật. Muốn đi xa phải rời khỏi chỗ gần, muốn lên cao phải vượt qua chỗ thấp. Hành trang và tư lương: Thập Thiện Nghiệp, Tứ Diệu Đế, Thập Nhị Nhân Duyên là những hành trang, những pháp môn tu tập mà những người Thanh văn thừa, Duyên giác thừa đã phải học và tu. Ngoài những pháp môn tu học ấy, những người được ngồi xe Đại thừa còn phải tu học, phải bồi dưỡng nguồn giáo lý thậm thâm như:

Bố thí Ba la mật.

Trì giới Ba la mật.

Nhẫn nhục Ba la mật.

Tinh tấn Ba la mật.

Thiền định Ba la mật.

Bát nhã Ba la mật.

Đó là những pháp môn phương tiện, những thuyền bè vững chắc để đưa những ai có chủng tánh

Đại thừa lên tột đỉnh cao: Thành Phật. Thành Phật là đích đến của Đại thừa Phật giáo theo sự thấy biết bên mặt tục đế của mọi người.

Người đạt đạo, chứng đạo nhìn hiện tượng vạn pháp, vũ trụ nhơn sanh qua Phật nhãn thấy rõ sự lý viên dung giữa CHƠN và TỤC:

*“Quang minh tịch chiếu biến hà sa
 “Phàm thánh đồng quy cộng ngã gia
 “Nhất niệm bất sanh toàn thể hiện
 “Lục căn tài động bị vân già
 “Đoạn trừ phiền não trùng tăng bệnh
 “Xu hướng chân như tổng thị tà
 “Tùy thuận chúng vô quái ngại
 “Niết bàn sanh tử đẳng không hoa”.*

Đọc lên nguồn tư tưởng trác tuyệt ấy, ta đã thấy thi nhân nào đó đã thâm nhập giáo lý vô tu, vô chứng, vô đắc bên mặt chơn đế trong nguồn giáo lý Phật.

Nhìn bên bản thể thì pháp giới bất nhị, nhất chơn. Như Lai chứng quả Vô thượng Bồ đề, Như Lai không hề có đi đâu, cũng chẳng có đến đâu và Như Lai nào có chứng đắc gì đâu.

Liễu Liễu Đường

Ngày 23/10/2011 (27-9-Tân Mão)

Đối tượng tham thiền 7

THIÊN ĐỊNH

Thiên định dịch ra tiếng Hán Việt là TƯ DUY hay TĨNH LỰ. Thiền định vừa là pháp môn tu vừa là pháp môn hành truyền thống của đạo Phật. Đệ tử Phật nếu là thức giả hay trí giả, người ta nghiên cứu truy tầm nguồn gốc Phật giáo chánh thống sẽ thấy rõ rằng thiền định là pháp môn tu tập xuyên suốt của hàng đệ tử Phật. Khẩu lệnh VẤN TƯ TU từ kim khẩu của đức Phật dặn dò nhắc nhở cho tất cả những ai bằng lòng tu học theo con đường Phật. Từ sơ phát tâm quy y Tam bảo ở Nhân thừa, ở Thiên thừa và những bậc phát ý viễn ly thế tục, xuất gia tu tập của Thanh văn thừa, Duyên giác thừa và Bồ tát Đại thừa, cho đến khi thành quả Phật đều vận dụng pháp môn tu tập thiền định mà nên.

TƯ DUY và TỈNH LỰ có thể hiểu đơn giản như THIÊN và QUÁN. THIÊN là tư duy, suy gẫm vào một đối tượng mà mình muốn tìm hiểu tận tường để nhận thức. QUÁN là vận dụng tâm lặng lẽ trong sáng soi rọi hướng dẫn đối tượng để thiên. Thế cho nên, khi thiên chánh thì quán hỗ trợ, khi quán mạnh thì thiên trở thành phụ thuộc, trong thiên có quán, trong quán có thiên ví như sự tương hỗ của đèn và ánh sáng. Thiên quán là pháp môn tu truyền thống như đã nói trên, pháp môn then chốt suốt lộ trình tu tập. Tuy nhiên, đệ tử Phật xuất gia cũng như tại gia hãy hết sức đề dặt cảnh giác khi học đạo, học thiên. Đối tượng thiên vô cùng quan trọng, nó quyết định cho Thiên giả đạt đến hạnh phúc an lạc... Bồ đề Niết bàn. Đối tượng thiên cũng đưa đẩy cho Thiên giả vào đường sai lầm đen tối: hoang đường, huyền hoặc và có thể đi đến loạn trí cuồng tâm. Do vậy, phải dựa vào Phật mà học thiên, phải dựa vào kinh giáo Phật chánh thống mà tu thiên, phải chọn mình sư có thật tu thật học mới thọ giáo học thiên và tu thiên. Thọ học đúng mình sư, đối tượng thiên không rời lời Phật ý kinh thì không bao giờ có cái gọi là lạc thiên. Thiên định là nhân của trí tuệ, người có trí tuệ là người đạt được hoa trái của thiên. Đó là lời dạy bảo của Thế Tôn đầy. Nhân GIỚI sanh ĐỊNH, nhân

ĐỊNH phát TUỆ, đó là kim chỉ nam cho tất cả những ai đệ tử Phật.

Người xưa nói: “Dục tri sơn hạ lộ, tu vấn quá lai nhân”, có nghĩa là: muốn biết con đường lên núi hãy hỏi thăm và noi theo đường của những người đã đi trước. Người học thiền, tu thiền hãy noi theo con đường của những bậc tiền bối Ngũ thừa Phật giáo đã thành công. Lời Phật, ý kinh đủ sức hướng dẫn cho loài người vượt ra tam giới thăng tiến Bồ đề Niết bàn Vô thượng. Điều đó hiển nhiên, mà đức Phật Thích Ca là nhân chứng điển hình, là người có khả năng đồng đạo đường hoàn tuyên bố với loài người qua danh hiệu **VÔ THƯỢNG Y VƯƠNG, VÔ THƯỢNG PHÁP VƯƠNG** và tự nhận cho mình một vai trò vị tha tích cực: **TAM GIỚI CHI ĐẠO SƯ** nữa. Vậy mà, ở vào khoảng thế kỷ thứ XII, đời Nam Tống Trung Quốc, vua Tống Cao Tông niên hiệu Thiệu Hưng thứ 7 có một vị được gọi là Cao tăng Thiền sư, húy Diệu Hỷ, tự Đàm Hối, ông tự đặt mình là người đứng ra phục hưng và xiển dương Thiền phái Dương Kỳ và cực lực đề xướng pháp thiền “Khán công án”, “Khán thoại đầu”... Pháp thiền mới mẻ này cũng thu hút người đông đảo một thời, nhưng kết quả đem lại cho những người ô ạt chạy theo và tưởng mình là đệ tử Phật, thành công gì

và thất bại bao nhiêu đó ai mà biết...! Đương nhiên, đề mục tu thiền, đối tượng tu thiền và phương pháp tu thiền hoàn toàn không có trong Tam thừa Ngũ giáo của đạo Phật. Vậy xin hỏi Cao tăng Đàm Hối Diệu Hỷ, ông có bằng lòng ông là đệ tử Phật Thích Ca chăng? Phật Thích Ca, đạo lý của Phật Thích Ca và giáo điển của Phật Thích Ca so với tông phái Thiên Dương Kỳ, ông thấy thế nào? Lời Phật, ý kinh chánh thống trong tam tạng giáo điển không đủ sức đáp ứng làm đối tượng thiền để cho ai đó thiền ư? Xin Ngài Diệu Hỷ Đàm Hối suy nghĩ lại xem?

Liễu Liễu Đường

Ngày 24/10/2011 (28-9-Tân Mão)



Đối tượng tham thiền 8

GÌ LÀ HOA TRÁI CỦA THIỀN ?

Như chúng ta đã biết VẤN TƯ TU là tôn chỉ, lập trường, là đường lối, phương pháp học đạo hành đạo của đạo Phật. Một đời hoá đạo chúng sanh đức Phật sử dụng Văn Tư Tu để truyền bá, để giáo đạo thực hành chí nguyện tự giác, giác tha của mình... Đệ tử Phật, bậc sơ cơ tu tập Nhưn thừa, Thiên thừa rồi tiến lên Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, Phật thừa đều không có một địa vị nào rời ngoài tôn chỉ, lập trường và đường lối ấy mà thành công. VẤN TƯ TU dành cho con người tu, người tu tức là chủ thể tu, chủ thể tu mà không có VẤN, không có TƯ thì dù cho có TU, tu cách nào khác cũng rơi vào tà kiến ngoại đạo, không phải đạo Phật.

Đối tượng thiền quyết định cho sự thành công hạnh phúc, an lạc và giải thoát. Đối tượng thiền cũng quyết định cho Thiền giả, Thiền sư sa đọa vào

đường tà si mê, sai lầm và đau khổ cùng cực nếu không biết đối tượng tu. Hoa trái của thiền là trí tuệ nhận thức chân lý, đưa Thiền giả đến Niết bàn, đến Cực lạc, đến địa vị Vô thượng Bồ đề. Giới học, Định học, Tuệ học, Tam vô lậu học ấy là đối tượng thiền. Người học tốt, tu giỏi nhìn hiện tượng vạn pháp bằng tuệ nhãn, bằng pháp nhãn. Thiền giả thấy rằng giới học của một Khất sĩ, một Thiền sư không phải ở trong 248 hay 350 giới của Khất sĩ mà thôi, Thiền giả tu học tốt, hễ tam nghiệp của mình ở đâu đến môi trường hoàn cảnh nào, Thiền giả thấy đều là môi trường hoàn cảnh học tu về giới học. Tất cả hiện tượng vạn pháp đều là đối tượng thiền, ngôn ngữ âm thanh cho đến suy nghĩ của tâm tư, của ý thức cũng là đối tượng thiền. Bởi vì, thiền là tư duy, là quán chiếu. Chẳng những tư duy quán chiếu vật sắc hữu hình, mà thiền còn soi rọi tư duy và quán chiếu cả phi vật sắc: Tâm, ý và thức nữa! Thế nên, VĂN huệ, TƯ huệ và TU huệ được xem là chủ thể thiền dành cho người tu thiền. Giới học, Định học, Tuệ học được coi là đối tượng thiền gồm hết thầy pháp tu. Tam Hiền, Thập Thánh, Tứ quả, Tam thừa được quả giải thoát đều do đức Bốn Sư mình là Thích Ca Mâu Ni Phật đào tạo đệ tử qua đường lối

tu hành theo lập trường tôn chỉ VĂN TƯ TU và GIỚI ĐỊNH TUỆ ấy.

Vào khoảng thế kỷ thứ VIII trở về sau, nhất là những thế kỷ trong khoảng các triều đại nhà Đường, có những phái người ta cũng mệnh danh là thiền, những pháp môn thiền này so với những pháp môn thiền đức Phật đã dạy cho hàng đệ tử trong Tam thừa Tứ quả hoàn toàn khác lạ. Những bậc Thiền sư giáo chủ này không dựa trên cơ sở Văn Tư Tu theo đường lối và tôn chỉ của đức Phật. Nếu có người hỏi đạo thì đánh, thụi, thoi, lôi, tát, véo... còn những người tham học thì bị đánh, bị thụi, bị thoi, bị lôi, bị tát, bị véo... Vậy mà những người bị đánh, bị thụi, bị thoi, bị lôi, bị tát, bị véo... ấy, được gọi là tổ ngộ !

Thật hết sức lạ kỳ, quái dị lối truyền dạy và tiếp nhận học tu lạ kỳ và quái dị ấy. Vậy mà, vẫn được một số người đồng tình, quý trọng nối tiếp lưu truyền dù không có gì bảo đảm là chân lý. Nhưng nó cũng theo dòng chảy thời gian đến nay vẫn còn rải rác lưu lạc đó đây.

Viết những dòng này tôi không mong và cũng không dám mời ai đồng tình, bởi vì những bậc “Thiền sư” ấy dù sao họ cũng là những bậc tiền bối, và những việc làm những lối hoá đạo ấy cách đây cũng đã mấy ngàn năm! Gọi lại cách truyền đạo,

cách giáo hoá này tôi chỉ mong Tăng Ni trẻ gần xa, Phật tử gần xa, những người có trí khách quan gần xa để chút thời giờ tư duy, suy gẫm nhận thức đâu là chân và đâu là phi chân dựa trên lập trường VĂN TỬ TU của đức Phật.

Suy cổ nghiệm kim, người trí thấy không thể an lòng. Cách Phật lâu xa tà kiến lộng hành ư ?

Huyền Giác Thiên sư đã thốt:

*“ Khử Thánh điều hệ tà kiến thâm!
Hận bất diệt trừ như ngỏ toái!”.*

Dịch:

*Cách Phật lâu xa tà kiến lộng hành.
Rất tiếc không đập vỡ được cho chúng
tan như ngói gạch.*

Liễu Liễu Đường

Ngày 26/10/2011 (30-9-Tân Mão)

Đối tượng tham thiền 9

THỬ TÌM ĐẠI Ý NHỮNG THIỀN PHÁI BẤT VĂN TỬ TU TRONG ĐẠO PHẬT

“**Đ**ẠI Ý PHẬT PHÁP LÀ GÌ?”, câu hỏi đó xét ra chẳng có gì mâu nhiệm, thâm huyền đến nỗi không giải đáp được để hướng dẫn cho đệ tử mình. Vào khoảng thế kỷ thứ VIII, thời gian ấy nhằm vào các niên đại của Đường trào ở Trung Quốc, có nhiều người phát tâm muốn tầm sư phỏng đạo học tham thiền, đã có người nêu ra câu hỏi về đại ý Phật pháp, có người nêu ra câu hỏi về ý Tổ sư từ Tây Trúc sang Đông Độ đều bị các Tổ sư tiền bối đấm, đập, hét, mắng, thoi, thụi, đá, tát, lôi kéo, néo mũi, néo tai ... Khi Ngài Lâm Tế ba lần hỏi thầy mình về câu: “Đại ý Phật pháp là gì?” thì ba lần đều bị Thiền sư Hoàng Bá Hy Vận đánh. Khi Ngài Lâm Tế được lên địa vị Thiền sư, đối với học trò mình vừa đánh lại

thêm hét, và khi đối thoại với thiện tri thức đồng đạo cũng cùng nhau sử dụng những đòn đấm, đập, hét, mắng, thoi, thụi, đá, tát, lôi kéo, néo mũi, néo tai... Vậy mà, những người thọ giáo chịu trận những cú đấm, đập, hét, mắng, thoi, thụi, đá, tát, lôi kéo, néo mũi, néo tai... kia đều được gọi là tổ ngộ sau đó. Tổ ngộ ư? Người trí không thể không thắc mắc: Tổ ngộ là tổ ngộ cái gì mới được chứ? Không VẤN, không TU, không chỉ dạy kinh điển giáo lý và phương pháp TU, không hướng dẫn đối tượng để tu. Vậy xin hỏi tổ ngộ là tổ ngộ cái gì? Rõ là Phật Thích Ca cũng không thể trả lời được. Vậy mà cũng có một số đông người tin tưởng nơi sự tổ ngộ ấy, rồi cũng hoan nghênh tán thán, rồi cũng Tổ Tổ tương truyền, những phương cách gọi là tu hành mà Phật Thích Ca không hề làm, không hề biết và tất nhiên không hề có dạy cho ai.

Đức Phật Thích Ca từng nói rõ với tất cả mọi người (chúng sanh) rằng: Phật xuất hiện ở cõi đời nhằm thực hiện một điều kiện lớn, kinh điển gọi là “Đại sự nhân duyên”: KHAI, THI, NGỘ, NHẬP Phật tri kiến. Rằng chúng sanh ai cũng có trí tuệ, ai cũng có hiểu biết như Phật đã có (Khai). Rằng ai cũng có thể nghe, cũng có thể tư duy và ai cũng có thể hiểu biết ngang bằng với những gì Phật đã biết

(Thị). Rằng ai cũng có thể nhận thức chân lý, tỏ ngộ chân lý qua lời chỉ bảo hướng dẫn cách tu tập của bậc minh sư truyền đạt (Ngộ). Rằng ai cũng có thể thâm nhập, cũng có thể đi vào thọ dụng hoa trái hạnh phúc, an lành, giải thoát, giác ngộ do mình tạo dựng vun bồi, xây đắp dựa trên cơ sở NGHE, SUY NGHĨ và TU SỬA những Bất Thiện Nghiệp của mình (Nhập). Thí dụ, đức Phật dạy: Này các đệ tử của ta! Là Tỳ Kheo các thầy hãy thường xuyên quán sát và tư duy:

“Thế gian vô thường. Quốc độ nguy thuy.

“Tứ đại khổ không. Ngũ ấm vô ngã.

“Sanh diệt biến dị. Hư nguy vô chủ.

“Tâm thị ác nguyên. Hình vi tội tấu...””.

Đó là lời Phật, từ kim khẩu Phật dạy cho các hàng đệ tử xuất gia cũng như tại gia đều có thể VẤN (nghe), đều có thể TU (tư duy, suy gẫm, quán chiếu) và có thể TU (tu sửa tam nghiệp của mình).

Thế gian vô thường là sự thật nhưng không phải ai cũng biết sự thật ấy. Cõi nước tạm bợ, mục bỏ, mong manh nhưng không phải ai cũng biết sự thật đó. Tứ đại: địa, thủy, hỏa, phong, những yếu tố những dữ liệu cấu tạo nên hoàn cảnh gọi là cõi đời,

rốt cuộc không có gì, không còn gì, không phải ai cũng hiểu được việc đó. Thân ngũ ấm gồm những yếu tố vật chất tác hợp với những yếu tố tinh thần, đạo Phật gọi là sắc thủ thú, nó chỉ có ngôn từ quy ước để khái niệm, sự thật ngũ uẩn chẳng là gì. Điều đó không phải ai cũng biết. Những điều có thể nghe mà chưa được nghe, những điều có thể hiểu biết mà chưa hiểu biết, những điều có thể đổi xấu trở thành tốt, đổi ác trở thành thiện mà chưa nghe chưa biết cho nên chưa đổi. Cõi đời như thế đạo Phật gọi đó là trần gian. Con người sống trong trần gian ấy không nhận thức, không hiểu biết những nguy cơ, những nguyên nhân, những hậu quả khổ đau cùng cực đưa đến cho mình. Con người an nhiên bằng lòng với kiếp sống trong ngôi nhà lửa “Tam giới vô an” như Phật đã dạy trong kinh Pháp Hoa. Dựa trên lý lẽ ấy, người trí ai cũng phải thừa nhận rằng:

Chưa được nghe, nói cho nghe mới gọi là nghe.

Chưa hiểu, dạy cho hiểu mới gọi là hiểu

Chưa tỏ ngộ, hướng dẫn giải bày cắt nghĩa làm cho hiểu kỹ vấn đề mới gọi là tỏ ngộ.

Đức Phật đã từng làm, đã từng dạy cho đệ tử mình, cho những người thành tựu địa vị Tam thừa Tứ quả đều dựa trên nguyên tắc VẤN TƯ TU ấy.

Những tiền bối Thiền sư tài năng, trí thức sáng tạo ra pháp thiền, hướng dẫn lối tu mới lạ khác hẳn những gì đức Phật truyền dạy ở kinh điển chánh thống xưa kia. Với phát minh sáng tạo và tài năng ấy các Ngài thừa sức dựng nên một tôn giáo, một “ĐẠO”... riêng biệt theo ý muốn mình! Vậy mà các Ngài sử dụng ngôn ngữ tương quan với đạo Phật, núp bóng dưới danh nghĩa của đạo Phật, mà nội dung VẤN TU TU theo đường lối của Phật hoàn toàn không có. Tại sao? Và với ý gì?... Nếu thâm tâm ai đó có dụng ý “mập mờ đánh lận con đen” như tục ngữ tiêu cực của Việt Nam kia, thì ôi! chẳng có gì mới mẻ hay ho đáng giá !

Liễu Liễu Đường

Ngày 27/10/2011 (1-10-Tân Mão)



Đối tượng tham thiền 10

THIÊN

Thiền có thiền gia, thiền đường, thiền viện, thiền sinh, thiền giả, thiền sư. Thiền gia, thiền giả, thiền sinh, thiền sư là những người nghiên cứu về pháp môn thiền định và tu tập thiền. Thiền đường, thiền viện là trụ xứ, là cơ sở, là chỗ ở để cho người ta ở tu tập thiền. Người đạo Phật có nghiên cứu học thiền, tu thiền, hành thiền đều được minh sư hướng dẫn dạy bảo: Gì là thiền và phương pháp hành thiền.

Như chúng ta đã học, sau khi vị minh sư truyền đạt cho thiền sinh, thiền giả ý nghĩa TỬ DUY và TĨNH LỰ của thiền, bấy giờ những người thọ học tiếp thu ý nghĩa đều bưng tỉnh ngộ rằng: Thiền và phương pháp tu thiền không phải bị ràng buộc một cách tiêu cực như những lối dạy thiền và hành thiền sai lạc của những thiền sư chưa đủ tiêu chuẩn minh sư, đào tạo trong các thiền môn tự bấy lâu nay.

Thiền từ lâu, thiền sinh chỉ được đào tạo ngồi. Đó là một lối đào tạo thiền theo cách tiêu cực. Thiền ngồi thường được gọi tọa thiền hay thiền tọa, nhưng thiền không nhất thiết phải ngồi. Thiền hành, thiền trụ, thiền ngọa, hành giả khéo biết thiền thì hoa trái y nhau. Bởi vì, thiền với nghĩa tư duy tu, với nghĩa tĩnh lự vô cùng khoáng đạt rộng mở thênh thang. Thiền giả đi cũng tư duy tu, tĩnh lự được; ngồi cũng tư duy tu, tĩnh lự được; đứng cũng tư duy tu, tĩnh lự được và nằm cũng tư duy tu, tĩnh lự được. Do vậy, một minh sư thiền đào tạo cho thiền sinh hậu học pháp môn tu thiền TĨNH LỰ, TƯ DUY thông qua tứ oai nghi: hành thiền, trụ thiền, tọa thiền và cả ngọa thiền. Và, nói cho họ biết thiền qua tứ oai nghi ấy giá trị an lạc, giải thoát, giác ngộ bằng nhau. Đồng thời giải thích chỉ rõ tai hại của sự sai lầm biến thiền đường, thiền viện thành một nhà trường,... một xí nghiệp đào tạo thi ngồi.

Nếu một thiền sinh, một thiền giả, một thiền sư trong nếp sống bình nhật của mình thường tư duy trong tĩnh lự nhận thức rằng:

*“ ... Chơn tánh, hữu vi không
Duyên sanh cố, như huyễn
Vô vi, vô khởi diệt
Bất thật, như không hoa*

*Ngôn vọng, hiển chư chơn
Vọng chơn, đồng nhị vọng...”.*

(Xuất Thủ Lăng Nghiêm Kinh)

Với ý nghĩa thậm thâm vi diệu trào dâng tính chất Tối thượng Đại thừa ấy, thường xuyên hoạt động ở tâm ý thức của một hành giả nào đó trong đi đứng nằm ngồi thì đều có giá trị an lạc giải thoát như nhau.

Liễu Liễu Đường, ngày 27/10/2011

(1-10-Tân Mão)



Đối tượng tham thiền 11

TUỆ

Tuệ là hoa trái của định. Định là hoa trái của giới. Giới, Định, Tuệ, tam vô lậu học là đối tượng thiền căn bản, then chốt và xuyên suốt trong lộ trình hành đạo, chứng đạo của đạo Phật như ta đã biết. Ở đây, tìm hiểu TUỆ và tương quan nhân quả giữa định, tuệ. Định là cây, ai cũng biết giống cây ngon thì mới sanh hoa trái quý. Thế cho nên, người trí trồng cây, lập vườn đặc biệt quan tâm chọn mua giống quý. Hoa trái quý ngọt ngon, sản phẩm thu hoạch giá trị cao, người nông phu hỉ hê mỹ mãn do gieo trồng giống loại cây quý và đúng lúc đúng thời.

Định dứt khoát, định phải sanh tuệ. Tuệ dứt khoát, tuệ phải từ chánh định sanh. Đó là phương hướng học đạo, hành đạo, là kim chỉ nam của Phật truyền trao dạy bảo. Nhân chánh định, sanh quả tuệ giác. Do tuệ giác được Giải thoát. Do Giải thoát mà

Giải thoát tri kiến được sanh trong môi trường thân tâm thanh tịnh ấy. Thành quả tương quan tác động liên hoàn đó, kinh điển Phật gọi là Ngũ phần pháp thân: Giới, Định, Tuệ, Giải thoát và Giải thoát tri kiến. Do vậy hiểu về PHÁP THÂN, chứng đắc PHÁP THÂN phải biết rằng trong đó có TUỆ học. Tuệ là hoa trái cuối cùng của Tam vô lậu học, thứ hoa trái được cô đọng đầy đủ tất cả hương vị thơm ngon cao quý để thành tựu hoa trái tuyệt đỉnh Vô thượng Bồ đề !

Tuệ của Tam vô lậu học là chánh tri kiến, thứ tuệ giác không giống thứ trí tuệ “Thế trí biện thông”. Tuệ giác của người thế trí biện thông, những nhà khoa học, nhà công kỹ nghệ học, nhà cơ giới học... người ta có thể làm tất cả những sản phẩm cần dùng, gia dụng tuyệt hảo để phục vụ cho sự sống con người, người ta còn làm những xe cộ, tàu thuyền, những máy bay chở chuyên du lịch, những máy bay tàng hình để phục vụ chiến tranh... thậm chí người ta làm hỏa tiễn, vệ tinh và cả những trạm không gian đưa con người làm việc trong khoảng không của vũ trụ... Đó là thành quả của những nhà khoa học, bác học... đã phải đầu tư công sức, đầu tư tiền định để có ra thứ trí tuệ ấy. Con người được sanh ra, lớn lên sống trong thế kỷ XXI này, không ai có thể phủ

nhận sự đầu tư công sức của con người trong nghiên cứu học tập để có ra thứ “thế gian thiên” mà kinh sách Phật gọi là “Thế trí biện thông”, nhằm phục vụ cho hạnh phúc, cho an lạc của loài người.

Mục tiêu của TUỆ và của TUỆ GIÁC trong Tam vô lậu học hoàn toàn khác với thứ trí tuệ Thế trí biện thông, thứ trí tuệ hoa trái của thiên định chánh tri kiến này có công năng bồi bổ, tăng trưởng nuôi lớn sự giải thoát cho người xuất gia cũng như tại gia đệ tử Phật.

Đối tượng lớn nhất, nguyên nhân khổ đau nặng nề nhất của con người là ngã tướng, là ý tưởng chấp mắc bản ngã. Khi con người khởi niệm chấp ngã thì ngay theo đó có nhân tướng. Ngã tướng, nhân tướng, chỉ có tuệ giác mới diệt trừ và hoá giải được.

Đệ tử Phật, người trí hãy lưu tâm về TRÍ TUỆ và TUỆ GIÁC trên đường tu học !

Liễu Liễu Đường, ngày 28/10/2011

(02-10-Tân Mão)

Đối tượng tham thiền 12

GIẢI THOÁT và GIẢI THOÁT TRI KIẾN

Giải thoát, Giải thoát tri kiến là hoa trái của Tam vô lậu học. Thiên giả tích lũy và gieo trồng nhân Tam vô lậu học thì thu hoạch quả Giải thoát, Giải thoát tri kiến là tất nhiên. Giải thoát, Giải thoát tri kiến văn tự thì hai mà thật nghĩa chỉ là một. Thân ngũ uẩn chỉ là một, mà giải thoát cho thân ngũ uẩn thì hai. Giải thoát những gì ràng buộc phần sắc thân gọi là Giải thoát. Giải thoát những gì phần phi sắc, phần tâm thức gọi là Giải thoát tri kiến.

Vậy, giải thoát là giải thoát những gì? Sao gọi là giải thoát?

Từ vua, quan, sĩ thứ của thời xưa, tổng thống của một quốc gia, giám đốc một công ty hay những tầng lớp công, nông, thương của thời nay đến cả những vị Khất sĩ,

Thiền sư, những vị trụ trì trong chốn tu hành... với ý chí, với tham vọng riêng hay vì một trách nhiệm phải làm cho xã hội, cho gia đình đều luôn lo âu triền miên, không được nghỉ ngơi thông thả, không có tự do, tự chủ, tự tại trong sinh hoạt hàng ngày... Những ràng buộc đó đều gọi là không giải thoát.

Tất cả những việc làm những sinh hoạt trong xã hội nói chung, mỗi con người ai cũng phải có bốn phận đóng góp, gánh vác, chia xẻ, phân công để làm ra tất cả những gì mà xã hội, con người cần. Điều đó phải được tán thán và tôn trọng. Tuy nhiên, khách quan mà nhận xét thì rõ ràng tất cả ngành nghề, địa vị, uy quyền cao thấp đều bận rộn với vai trò, với trách nhiệm, với phận sự của mình. Nhưng nhìn qua đạo nhãn của một Thiền giả thì tất cả thành phần người ấy đều ở trong vòng mà đạo Phật gọi là “triền phược”. Triền phược có nghĩa là không tự do, không tự tại, không tự chủ, thì gọi là người chưa giải thoát hay không giải thoát !

Giáo lý đạo Phật, lập trường và tôn chỉ của đạo Phật thông qua kinh điển đức Phật dạy:

“Nếu ai muốn rõ biết

Ba đời mười phương Phật

Nên quán tánh pháp giới

Tất cả do tâm tạo” ...

Qua lời Phật ý kinh ta thấy, con người và tâm con người là chủ nhân ông đối với vũ trụ vạn hữu, không giải thoát cũng do con người mà giải thoát cũng do con người, tri kiến giải thoát hay tri kiến không giải thoát đều do con người.

Vậy thế nào là tri kiến con người không giải thoát?

Tất cả khổ tóm lược trong 11 món khổ đế, đều có nguyên nhân và đều có thể dứt trừ giải khổ được mà không biết. Đó là tri kiến chưa giải thoát.

Vô minh phiền não, nhân của khổ đau trong tập đế đều có thể hóa giải dứt trừ được mà không biết. Đó là tri kiến chưa giải thoát.

Cảnh cũng như tâm con người vốn rỗng rang thanh tịnh Niết bàn, không nhớ xấu, không một chút tội lỗi khổ đau, mọi người ai cũng tự có mà con người không biết để thọ dụng. Đó là chưa giải thoát.

Pháp được vốn có khắp cùng, tri liệu hóa giải bao nhiêu phiền não vô minh cũng không thiếu, đã được Phật đức kết phương thang qua đạo đế, thế mà ít người biết sử dụng. Đó là tri kiến chưa giải thoát.

Trời là ai? Thần là ai? Thánh là ai? Diêm vương, quỷ sứ là ai? Không biết, không thấy! Đến cả Bà chúa xứ, Tứ phủ động đình xưa nay cũng không ai thấy, không ai biết. Vậy mà một số không ít trong loài người tín ngưỡng, tôn thờ, cúng bái, lạy lức, khẩn nguyện, khẩn

cầu... để mong sự phù trì giúp đỡ... Đó là tri kiến chưa giải thoát.

Tri kiến chưa giải thoát, nghĩa là sự hiểu biết của ai đó chưa thông, chưa đúng và chưa phù hợp chân lý, người đó không có tự do về mặt tinh thần, không có tự tại về hiểu biết, không có nhẹ nhàng phóng khoáng về trí não, đạo Phật gọi là sống trong vòng triền phược. Do vậy, người nhận thức sự thật, đúng sự thật, đúng chân lý, rồi tự mình sửa đổi, tự mình buông bỏ, tự mình cắt đứt những gì ràng buộc về phần thân xác, làm được việc đó đạo Phật gọi là người Giải thoát.

Người nhận thức sự thật, đúng sự thật rồi tự mình cắt đứt, tự mình buông bỏ, tự mình gột rửa những gì tà kiến sai lầm ở hiểu biết, ở trí não, ở tâm thức... làm được việc đó đạo Phật gọi là người Giải thoát tri kiến.

Nói tóm lại, GIẢI THOÁT và GIẢI THOÁT TRI KIẾN là người giải thoát trọn vẹn những sai lầm của thân tâm, là người đạt đến Niết bàn đức và Bồ đề đức, người đó gọi là người đã thành Phật.

Do vậy GIỚI, ĐỊNH, TUỆ, GIẢI THOÁT, GIẢI THOÁT TRI KIẾN kinh điển Phật gọi “Ngũ Phần Pháp Thân” là vậy.

Đối tượng tham thiền 13

LẠC THIỀN LÀ GÌ ?

Thiền giả, nếu chịu nghe (VĂN), chịu tư duy (TU), nhận thức rồi sau đó thực hành (TU). Đó là đường lối tu tập truyền thống đức Phật hướng dẫn cho đệ tử mình học, tu và rất nhiều người đã thẳng đến địa vị giải thoát giác ngộ trong Tứ quả, Tam thừa. THIỀN, tu pháp môn THIỀN (Định) trong đạo Phật không hề có lạc. Gọi là “LẠC THIỀN” là ai đó tu nhằm “thiền nào khác”, chắc chắn không phải là pháp môn thiền truyền thống của đạo Phật, hoặc có thể người ta tu lệch thiền, lệch đồng nghĩa với lạc cũng nên! Nếu ai đó tu lệch thiền thì lạc thiền là cái chắc. Bởi vì, tu thiền mà lệch lạc thì có nghĩa là tu trật, tu sai. Thế cho nên, Thiền giả muốn học thiền phải học với đức Phật qua kinh điển truyền thống của Phật, hoặc phải “tâm sư phỏng đạo” như Huyền Giác Thiền sư ngày xưa, tâm cho đến khi gặp minh sư thiền, người đã từng trải nghiệm tâm yếu chỉ, đã

từng dẫm đạp ngang dọc tới lui trên lộ trình VĂN TU TU kim chỉ nam truyền thống của đạo Phật. Đi theo con đường hướng dẫn, chỉ đạo của người đã thành công và đến đích thì lệch đường lạc lối ắt không thể xảy ra.

Thời nay có một thành phần người xuất gia mà không đủ cơ duyên học Phật thâm sâu, người ta cũng ngỡ mình là Tăng bảo như hàng Tăng bảo minh sư chánh thống, người ta cũng lập chùa, cũng tôn tượng, cũng thờ nhiều thần thánh với một khung cảnh nhìn qua huyền bí, cũng có phần tịch tĩnh trang nghiêm, rồi người ta cũng chiêu tập Tăng tục để hướng dẫn tu thiền. Lối chiêu tập hướng dẫn tu thiền như vậy, tu thiền mà không biết đối tượng thiền, người học thiền không biết mình thiền để làm gì, để tìm gì !

Nói đến thiền, ấn tượng đầu tiên trong não mọi người, người ta nghĩ đến ngò. Thực ra, thiền không chỉ có ngò. Trong thiền môn có từ kinh hành, kinh hành tức là thiền hành đó. Ngò ba tiếng hay năm, sáu tiếng để tìm mà chưa biết tìm gì, để tưởng mà chưa biết tưởng gì. Từ ý niệm tìm tưởng băng quơ không mục đích, không đối tượng, lâu ngày con người trở thành đờ đẫn, lú lẫn, tưng tưng ngơ ngơ thường sống trong một cảnh giới mơ màng nào mà tự

thân họ không hề biết. Đó là kết quả mà người ta gọi là LẠC THIÊN.

Liều Liều Đường

Ngày 30/10/2011 (4-10 Tân Mão)



Đối tượng tham thiền 14

A DI ĐÀ PHẬT ÔNG LÀ AI ?

Niệm danh hiệu Phật A Di Đà là pháp môn tu Phật khá phổ biến ở Việt Nam và Trung Quốc, pháp môn tu này người Việt Nam và người Trung Quốc đồng hiểu và cùng gọi TỊNH ĐỘ TÔNG, gọi tắt: TU TỊNH ĐỘ. Mà tu Tịnh độ thì đa số người ta chỉ biết niệm kêu tên Phật cho thật nhiều: “Nam mô A Di Đà Phật”... niệm kêu càng nhiều càng được cho là quý, để lấy công lao đó làm điều kiện mong đổi lấy “vãng sanh” sau khi chết! Ngày nào chưa chết còn sống thì cứ liên tục ước mơ, ước mơ liên tục thường xuyên người ta cho là càng tốt. NHẤT TÂM BẤT LOẠN là phải kêu tên “A DI ĐÀ PHẬT” liên tục không ngừng nghỉ, trừ khi đuối sức hoặc ngủ nghỉ uống ăn. Ước mơ mong cầu cũng liên tục như vậy, ai tu được như vậy, lúc chết quyết được “vãng sanh”

“Cực lạc”? Đây là hiểu biết theo cách “Tu TỊNH ĐỘ” phổ thông, không đáng lý luận gì thêm chi nữa.

Tuy nhiên, nếu người trí muốn tìm hiểu “đệ nhất nghĩa” của pháp môn TỊNH ĐỘ thì khác hẳn cách tu TỊNH ĐỘ nói trên. Tịnh độ đệ nhất nghĩa, ngay khi tu pháp môn TỊNH ĐỘ có THIÊN. Ngược lại, người tu THIÊN có TỊNH ĐỘ đệ nhất nghĩa. Thế cho nên người trí thấy biết rõ tu THIÊN tu TỊNH không cần đốt kinh, đốt sách kỳ thị lẫn nhau !

A Di Đà Phật, tên thật, tên có ý nghĩa ẩn tàng chân lý: VÔ LƯỢNG QUANG, VÔ LƯỢNG THỌ. Vô Lượng Quang, Vô Lượng Thọ có nghĩa là VĨ TRỤ. Vô Lượng Quang có nghĩa không gian, Vô Lượng Thọ có nghĩa thời gian, sáng tỏ khắp mười phương sáng vô cực, hiện hữu suốt ba đời tồn tại vô cùng. A Di Đà Phật là đức tánh thanh tịnh trong sáng bản nhiên của “không gian, thời gian” ấy. Niệm chân lý nhớ đức tánh thanh tịnh, sống với đầu óc, với tâm thanh tịnh bản nhiên A Di Đà thì ta là A Di Đà, ta ở đâu, đất nước nào thì ở đó hóa ra TỊNH (Tịnh độ).

Cõi Tịnh độ là y báo của Phật A Di Đà, của người vãng sanh Tịnh độ, cõi đó cực kỳ tráng lệ, tất cả những gì trong cõi nước ấy thuần tịnh, vì thuần

tịnh và đẹp đẽ tráng lệ cho nên tất cả những gì có ở cõi ấy đều được xem và quý chuộng như vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não, san hô và hổ phách... Những người được ở cõi nước đó chỉ thọ dụng những điều sung sướng, an vui, hạnh phúc, không hề bị khổ. Cho nên cõi ấy còn được gọi là Cực lạc.

Phật A Di Đà ở đâu thì ở đấy là cõi Tịnh độ, người niệm Phật A Di Đà nhất tâm bất loạn ở đâu thì ở đó là Cực lạc.

Nhớ đến Phật Thích Ca, Niết bàn là y báo của Phật Thích Ca và cũng là y báo của người tu học chịu làm đệ tử Phật Thích Ca. Thời kỳ Phật Thích Ca tại thế, ai cũng biết Phật ở xứ Ấn Độ. Xứ Ấn Độ là một phần đất nhỏ so với toàn thể đất trên mặt địa cầu, vậy mà đức Phật đi đâu ở đâu thì ở đó là Niết bàn, kinh điển gọi “Niết bàn bất ly ư đương xứ”. Với người đệ tử Phật, chịu tu theo Phật cũng được thọ dụng Niết bàn bất ly ư đương xứ như vậy.

Người tu Tịnh độ, phải học về Phật A Di Đà, rằng: Tự tánh Di Đà duy tâm Tịnh độ. Tìm Tịnh độ trong vũ trụ bao la, nếu tâm mình không tịnh thì không bao giờ tìm được, tưởng tượng cõi Tịnh độ ở

phương trời đông tây nào khác lại càng không bao giờ tìm có, bởi kinh điển dạy “Pháp giới nhất chân”.

Người tu Thiên, phải học về Phật Thích Ca, phải biết “Ba đời mười phương Phật và tất cả cõi nước đều do tâm tạo”. Sử dụng Phật nhãn nhìn đâu Niết bàn ở đấy, sử dụng nhục nhãn dày đặc vô minh nhìn đâu cũng toàn là tam đồ lục đạo, là cõi Ta bà. Thế cho nên Phật dạy: “*Tùy Kỳ Tâm Tịnh Tác Phật Độ Tịnh, Dục Tịnh Phật Độ Tiên Tịnh Kỳ Tâm*”, có nghĩa tâm con người phải TỊNH mới có Niết bàn và Tịnh độ, muốn có Tịnh độ Niết bàn trước hết là phải tịnh tâm mình.

Người tu Thiên tốt, thọ dụng Niết bàn hiện tại lúc đang tu. Người tu Tịnh độ tốt, an trú Cực lạc ngay cuộc sống thường ngày. Tu TỊNH cũng như tu THIÊN hứa hẹn và để dành kết quả sau khi chết mới thọ dụng, là đường lối tu học sai lầm của những người ảo tưởng, thường kiến. Lời Phật ý kinh ấy là chân lý, là sự thật cho cả những người đệ tử Phật tu TỊNH cũng như tu THIÊN.

Liễu Liễu Đường, ngày 31/10/2011

(05-10-Tân Mão)

Đối tượng tham thiền 15

TU TỊNH SAI ?

Tệ tử Phật học theo đường lối, ứng dụng kim chỉ nam NGHE, TƯ DUY và ỨNG DỤNG THỰC HÀNH (Văn, Tư, Tu) theo lời Phật ý kinh, tìm cái gì sai lạc lầm lẫn trong pháp môn Tịnh độ không có. Tùy kỳ tâm tịnh tắc Phật độ tịnh là chân lý, không thể tìm một kẽ hở nhỏ nhít sai lầm. Ngược lại, người có tâm trạng sâu muộn, ưu tư tràn đầy dục vọng vô minh, mà trông mong ước ao, mà... cầu nguyện cho mình được sống cảnh Cực lạc ở tận nơi đâu không bao giờ có. “Tự tánh Di Đà duy tâm Tịnh độ” là lời Phật ý kinh và là chân lý. Học tu như thế là tu đúng chánh pháp.

Người tu Tịnh độ chân chính rất cần có minh sư. Tu Tịnh độ với những bậc thầy không phải minh sư, tất nhiên vấn đề sai lạc không thể tránh khỏi.

Những tà sư không phải minh sư người ta có thể hướng dẫn dạy rằng: Tu Tịnh độ, để nhờ, để cho sau khi chết được vãng sanh Cực lạc.

Người ta dạy rằng: Niệm, kêu danh hiệu Phật 10, 15, 20 tiếng đồng hồ thấy chết có thể chuyển từ lạnh sang nóng, từ cứng đờ thành mềm... Lúc bấy giờ, gọi đó là vãng sanh.

Người ta dạy rằng: Kêu danh hiệu Phật nhiều, kêu liên tục gọi đó nhất tâm bất loạn.

Người ta dạy rằng: Người trọng bệnh sắp chết, khó chết, hội họp đông người cùng kêu danh hiệu Phật, người bệnh khó chết được chết và được vãng sanh.

Người ta dạy rằng: Khi có người chết, hội họp đông đảo lại, cùng nhau kêu tên Phật càng nhiều ngày, vong linh người chết chắc chắn vãng sanh.

Người ta dạy rằng: Nếu thân nhân ai đó qua đời, bốn phận người sống phải thỉnh mời hội họp lại đông đảo, cùng nhau tụng kinh A Di Đà, kêu danh hiệu Phật A Di Đà, cầu nguyện Phật A Di Đà... tiếp dẫn vong linh vãng sanh Tịnh độ...

Lối hướng dẫn, cách tổ chức tu hành như thế, ngoài đường lối VẤN, TƯ, TU của minh sư, chắc

chấn không đem lại kết quả thực tiễn nào. Những lối tu hành đó tự trình diễn, tự tố cáo sự sai lạc của tổ chức mình trước bàng quang thiên hạ, trước nhãn quang của người trí.

Tu Tịnh độ không có gì sai lạc cũng như tu Thiên không có gì sai lạc, sai lạc do con người làm ra.

Ngày 31/10/2011 (05-10-Tân Mão)



Đối tượng tham thiền 16

CHÁNH TÍN

Tín là đức tin, đức tin là tánh vốn có của nhân loại, đức tin không dành riêng cho một chủng tộc nào. Mỗi chủng tộc có quyền tôn vinh, có quyền tin tưởng một đấng, một vị, một đức, một ông mà chủng tộc mình tin tưởng để tôn thờ. Do vậy, ở thế kỷ XXI này nhân loại đề xuất chủ nghĩa tự do... trong đó có tự do tín ngưỡng và tự do tôn giáo.

Phật giáo không muốn đặt mình là tôn giáo trong những tôn giáo, cũng không đòi hỏi quyền tự do tín ngưỡng cách nào, nhưng đạo Phật cũng có niềm tin và đức tin theo cách nhận thức chân lý của đạo mình. Có những người phát tâm muốn vào đạo, muốn tu theo đạo Phật, đa số ngỡ ngàng phân vân và muốn biết: “Người vào đạo sơ cơ trước hết phải học gì?”. Người có ý nghĩ và đặt câu hỏi ấy rất cần thiết và chí lý, nhưng nếu tiếp nhận lời giải đáp câu hỏi đó với nhiều đạo sư thì chắc

chấn sẽ nhận được nhiều câu giải đáp khác của mỗi đạo sư hướng dẫn theo sở kiến của mình.

Ở bài viết này, bút giả thử đề xuất một ý chung cho những Phật tử sơ cơ học Phật: Người sơ cơ học Phật trước hết nên học về chữ TÍN. Kinh Hoa Nghiêm Phật dạy: Tin là cửa ngõ vào Niết bàn, tin là thuyền bè để vượt qua biển pháp. Dù vậy, có đức tin không chánh, tin không có chân lý gọi là tà tín. Những đức tin chánh, những đức tin đúng chân lý gọi là chánh tín. Người trí học Phật hãy quan tâm cảnh giác về đức tin của mình.

Chánh tín trong đạo Phật gồm có những đức tin căn bản như sau:

1. TÍN TỰ: Tin mình có Phật tánh, tin mình có khả năng thành Phật, tin mình là chủ thể có khả năng nhận thức và chuyển hóa mọi sự vật hiện tượng.

2. TÍN THA: Tin Phật là người đã hoàn thành tự giác, giác tha và giác hạnh viên mãn. Tin lời Phật dạy là chân, thật, là chân lý. Tin lời Phật dạy Văn Tư Tu là chân lý. Tin Tam vô lậu học là chân lý.

3. TÍN NHÂN: Muốn ăn ngọt gieo hạt giống ngọt, muốn ăn chua gieo hạt giống chua, muốn ăn đắng gieo hạt giống đắng, muốn cuộc sống bình an phải gieo nhân thiện, muốn có trí tuệ phải gieo nhân thiện định, muốn thành Phật phải gieo nhân Giải thoát, Giải thoát tri kiến... Tin nhân là chân lý.

4. TÍN QUẢ: Ăn trái ngọt do gieo trồng cây trái ngọt, ăn trái đắng do gieo trồng dây trái đắng, ăn quả chua do gieo trồng cây trái chua, hưởng hạnh phúc an ổn trong gia đình do tu nhân Tam quy Ngũ giới, hưởng sự an lạc Niết bàn, quả A La Hán do tu nhân thực hành Tứ Diệu Đế... Tin quả là chân lý.

5. TÍN SỰ: Giả sử người tạo Thập Thiện Nghiệp không ai thấy, không ai ghi chép, vậy mà không mất. Người tạo Thập Ác Nghiệp cũng không ai thấy, không ai ghi chép mà cũng không mất.

6. TÍN LÝ: Người tạo nhân Thập Thiện không ai thấy, không ai ghi chép, không ai ban tặng mà nhất định hưởng phước báo bằng Trời. Người tạo nhân Thập Ác cũng không ai thấy, không ai ghi chép, không ai trị tội, vậy mà chịu báo khổ đau cùng cực ở tam đồ: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh...

Kinh điển Phật nói: “Vô lượng pháp môn tu”, có nghĩa là phương pháp tu hành trong đạo Phật có nhiều lắm. Người tu pháp môn nào cũng là người vào cửa, người đi vào con đường thành Phật được. Tuy nhiên, nếu không có thiện hữu tri thức, không gặp được minh sư chỉ giáo hướng dẫn tu hành, lỡ mà lọt vào tà tín bởi tà sư thì tất cả đức tin trở thành mê tín.

Đối tượng tham thiền 17

GÌ LÀ MÊ TÍN ?

Mê tín là tin từ ý nghĩ mê muội sai lầm không hợp lẽ thật, nói hay làm theo đức tin sai lầm mê muội ấy không đem lại cho ai chút kết quả tốt lành nào theo ý muốn! Bởi vì đức tin không phù hợp lẽ thật, không có chân lý.

Tuy nhiên, cũng khó mà nói ra một tiêu chuẩn chung cho tất cả mọi người trong thiên hạ. Tập quán dân tộc, chủng tánh khác nhau, căn cơ, trình độ nhận thức khác nhau từng mỗi con người. Cho nên vấn đề chánh tín, mê tín chỉ có thể nói trong phạm vi tôn giáo đạo đức của mình tin tưởng tôn trọng mà thôi. Thế mới khỏi mịch cái lòng.

Đề tài MÊ TÍN trong tập sách nhỏ: NHỮNG CHIẾC LÁ TRONG này, bút giả đề cập MÊ TÍN trong nội bộ Phật giáo Việt Nam thôi, nhưng chưa nói ra mà đã biết trước một cách chắc chắn rằng: có

không ít thiện hữu đồng nghiệp đã “mích cái lòng rồi” !

Thí dụ, về mặt nghi lễ cầu nguyện thế giới hòa bình; cầu an cho gia chủ hay gia đình gia chủ tai qua nạn khỏi; cầu siêu cho những vong linh tội lỗi sớm được siêu sanh miền Cực lạc; mai táng người chết lúc không giờ, linh đình giỗ chạp cúng thất cúng tuần, đốt vàng mã giấy tiền hỗ trợ kinh tế cho vong linh... cúng sao giải hạn để được bình an mạnh giỏi đầu năm đến cuối năm, có bệnh không cần uống thuốc chỉ cần khẩn nguyện thần linh cứu giúp; cúng các đấng cô hồn cầu mong mua may bán đắt; van xin ông bà khuất mặt khuất mày phù hộ đi đứng tàu xe lui tới bình an,... đại loại những hình thức và nghi lễ cúng kính, cầu nguyện, van xin, khẩn vái... Như vậy, với nhãn quang của người đệ tử Phật, của những bậc minh sư chân chánh xem đó thuộc về việc làm mê tín, và nếu ai tin tưởng những việc làm ấy đều gọi là thành phần mê tín.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni xưa kia, từ lúc ở vương cung đến khi xuất gia tầm đạo, rồi đắc đạo, rồi giáo hóa độ người, rày đó mai đây trên dưới 50 năm, trong kinh điển giáo lý của đức Phật để lại không hề có nghe đức Phật thiết lễ lập đàn “cúng kính lễ bái, cầu an cầu siêu, khai quang điểm nhãn,

đề phang khai xá, an vị thánh tượng” v.v... và v.v... còn nhiều và nhiều lắm không tiện nói hết.

Đệ tử Phật nên nhớ đức Phật là con người, ý nghĩ lời nói việc làm của đức Phật nhằm phục vụ lợi ích cho con người một cách thiết thực. Ý nghĩ, lời nói, việc làm nào không đem lại kết quả thiết thực giúp ích cho con người trong cuộc sống, đức Phật không hề làm. Do vậy NÓI để chỉ bày, để hướng dẫn cho người đệ tử NGHE (Văn), rồi SUY NGHĨ NHẬN THỨC (Tư), sau khi suy nghĩ nhận thức biết rõ rằng lời dạy của Phật qua suy nghĩ của mình là lẽ thật, người đệ tử Phật khi xác định lẽ thật rồi mới ứng dụng ra VIỆC LÀM HÀNH ĐỘNG (Tu).

Theo đạo Phật lời dạy của bất cứ ai tin, nghe, làm theo, mà không đem lại kết quả an vui hạnh phúc cho con người, gọi là mê tín...

Lấy đất sét làm bánh hy vọng có bánh ngon để ăn, lấy cát nấu hy vọng thành cơm thơm dẻo... là những điều không bao giờ có. Người học đạo mà mê tín hoang đường, kết quả cũng y như vậy, cuối cùng chỉ là: “Tân khổ đáo đầu hoàn tân khổ, bôn ba nhất kiếp uống bôn ba”... !

Đối tượng tham thiền 18

THAN VÀNG VÓ RẮC TRO TIỀN GIẤY BAY

“**T**han vàng vó rắc, tro tiền giấy bay”, câu thơ ấy của đại thi hào Nguyễn Du trong truyện Thúy Kiều dường như có ý báo cáo rộng rãi với tất cả những ai có đức tin về sự thờ cúng “đạo Ông bà”, “đạo Khổng”, “đạo Lão”... và kể cả những người đệ tử Phật rằng: Mê tín dị đoan, lý lịch trích ngang của nó thì nó đã có ngót 500 năm trước đây, từ năm Gia Tĩnh triều Minh ở Trung Quốc. Hồi đó nàng Thúy Kiều đi chơi xuân đã từng thấy và gặp cảnh:

*“Gần xa nô nức yến anh,
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân.
Dập dìu tài tử giai nhân,
Ngựa xe như nước, áo quần như nen.
Ngõn ngang gò đống kéo lên,*

*Than vàng vó rắc, tro tiền giấy bay.
Tà tà bóng ngả về tây,
Chị em thơ thẩn dang tay ra về..."*

Đọc câu thơ có ý tố cáo đó của đại thi hào Nguyễn Du rằng: tệ hại mê tín dị đoan đã có sít soát ba trăm năm trước sau gì đó không ai biết chắc, mà còn năm ba ngàn năm trước kia nữa cũng nên, mà cũng không ai biết chắc. Nói điều này tôi muốn nhắc với Phật tử gần xa, với Tăng Ni trẻ gần xa, với chư thiện hữu tri thức của tôi gần xa, trong cuộc học đạo, hành đạo, tu Phật của mình lỡ mà bị rơi vào thành phần người thích cúng kính, lạy lục, khẩn cầu, mà phải bị đốt giấy tiền vàng bạc, vàng vó, vàng thoi, đầu phướn xá hạc, áo quần, giày dép, nhà cửa, kho lâu, xe co... cũng đừng vội tự ái, tự ti. Bởi vì, lỗi không phải ở chúng ta đâu! Truy nguyên ra, ai cũng thấy rõ do người Trung Quốc đào tạo. Cứ theo lý lịch trích ngang như đã nói trên thì kể từ năm Gia Tĩnh triều Minh đã có và đại thi hào Nguyễn Du đã chứng kiến qua thi phẩm bất hủ của mình.

Tà kiến, mê tín là thứ virus độc hại trong xã hội loài người. Riêng trong đạo Phật của chúng ta, những người đệ tử Phật chân chính tại gia, cũng như xuất gia phải học tập nhiều, phát huy Văn Tư Tu Tam huệ học một cách tích cực để đối phó, để điều

chính tư tưởng sai lầm ấy và bồi dưỡng phát huy trí tuệ đạt đến đỉnh cao mới hoá giải tiêu trừ được chúng. Tôi xin nói nhỏ với các đồng nghiệp của tôi: Các bạn ơi! Nhiệm vụ vai trò “Chấn hưng Phật pháp”, “Tục diệm truyền đăng” của hàng tu sĩ chúng ta còn nặng nề lắm các bạn ạ. Bởi vì, như chúng ta đã biết hễ chánh có thì tà có, tốt có thì xấu có, trí có thì ngu có, tối có thì sáng có, ngày có thì đêm có, cho đến khi nào hễ chánh tín còn thì mê tín còn. Thế cho nên, trước đây nhân dân Việt Nam vốn không ham gì chiến tranh, vậy mà đến lúc đến thời toàn dân phải trường kỳ kháng chiến mới đánh đuổi thực dân xâm lược đấy bạn.

TỈNH MÊ là chuyện muôn đời ...!

Liễu Liễu Đường, ngày 01/11/2011

(06-10-Tân Mão)



Đối tượng tham thiền 19

HÃY CHỌN ... ĐI ?

Cùng thiện hữu tri thức, Tăng tục gần xa thân mến, viết bài này tôi muốn gửi những lời tâm sự của tôi đến các bạn rằng, những người có khả năng tự tu, tự độ còn có khả năng xiển dương chánh pháp, truyền trì mạng mạch Phật pháp lợi ích chúng sanh, vai trò trách nhiệm việc làm của chúng ta còn nặng nề lắm. Những người đệ tử Phật tại gia tín mộ đạo Phật, ham tu hiểu đạo, tìm chọn cho gặp được minh sư thọ học cũng là một ước mơ, một nguyện vọng không dễ dàng gì. Sự thật là vậy nhưng hàng tu sĩ có khả năng hoá đạo không được bi quan, hàng Phật tử thuần thành có khả năng học đạo cũng không được bi quan. Dẫu đêm tháng mười mùa đông có dài nhưng mặt trời mùa đông vẫn còn đó, rồi mọi người sẽ được sinh hoạt trong những ngày hạ đến có sao đâu...!

Như tôi đã thưa cùng các bạn thiện hữu tri thức của tôi, tôi cũng đã nói nhiều với những Phật tử đã nghe tôi gần xa thân mến rằng: Chúng ta hữu duyên được nghe ý

Phật lời kinh chánh thống “Văn Tư Tu”, chúng ta được tiếp nhận kim chỉ nam “Giới Định Tuệ” đức Phật đã truyền trao. Các bậc tiền bối long tượng cổ kim đã nhận thức ra rằng: Như Lai Thế Tôn xưa kia vẫn tùy thuận chân lý “Tam năng, Tam bất năng” đã an bài trong tự nhiên... trong vũ trụ...

Vấn đề CHÁNH TÍN, MÊ TÍN, vấn đề TÀ... CHÁNH... nói chung, nó còn tồn tại và hiện hữu song song như âm dương, nhật nguyệt của hành tinh chúng ta đang sống. Gọi thêm hay gọi lại vấn đề “chánh, mê”, “tà, chánh” dường như đó chỉ là “nói dai, nói dài, nói dở và biết đâu đó chẳng là nói đại dột cũng nên!”. Nếu ai đó nghĩ như thế tôi cho rằng cũng có đúng, tôi đành cam nhận hết! Tuy nhiên, tôi muốn gọi đến các bạn lời nhắc nhở chân tình: HÃY CHỌN... ĐI.

Người xưa nói: “Sĩ, nông, công, thương... tinh chuyên nhất nghệ thành gia” và “Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh”, những lời cổ vũ động viên ấy thế kỷ XXI này cũng chưa ai cho là lạc hậu, mà những nhà văn minh khoa học thời đại dường như ngầm khai thác và khuyến khích động viên loài người cách làm ăn theo phương thức “phân công lao động”. Khách quan mà nhận xét, nguồn kinh tế Việt Nam ta đang ở trong xu thế chuyển biến lên một tầm cao... Đó là kết quả và chỉ mới chấp chững thay đổi cách làm theo đường hướng phân công lao động thôi, mà đã được vậy.

Mình đã có chủng tử Phật, tin Phật thì nên học tu theo kinh điển Phật, theo con đường Bát chánh của Phật, đừng đi con đường nào khác. Đó là tinh thần tinh chuyên “Nhất nghệ thành gia” và cũng là “Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh” đó. Hàng ngũ Tăng Ni trưởng tử Phật, thiện nam, tín nữ là tín đồ, là Phật tử chúng ta thử ứng dụng cách tu hành theo tinh thần phân công lao động ấy, vừa là phù hợp với chân tinh thần của đạo Phật, vừa là phù hợp với tầm cỡ văn minh khoa học hiện đại của loài người. Hàng ngũ Tăng Ni, Phật tử chúng ta thành thật soi rọi tâm mình khách quan mà nhận thức, chúng ta lỡ lệch lối đi quá xa... quá nhiều... chúng ta đã trà trộn trong ngành nghề van lạp, cúng bái, khẩn nguyện, cầu xin... chúng ta đã lẫn lộn trong ma chay: nhập mạch, tẩm liệm, ngày xấu, ngày tốt, giờ kiết, giờ hung, cúng vong, cúng linh, phát hành, an táng, cho tới mở cửa mả, giải đậu, kéo gà... Rồi còn có những pháp lữ sáng tác một ý tứ kì lạ: để tránh tai ương... chết chóc cho những người tuổi Tý, thầy ra lệnh thí chủ chôn cất thân nhân vào lúc “không giờ” (0h), rõ là sự hiểu biết cổ kim mới xuất hiện... Chúng ta đã say sưa phát huy năng lực linh thiêng mâu nhiệm của mình, chúng ta đã chú nguyện ít thành nhiều, nhiều thành ít, nhỏ thành lớn, lớn thành nhỏ, giả thành thật, thật thành giả, cao thành thấp, thấp thành cao... qua những nghi lễ khai đầu phước, xá hạc, khai quang điểm nhãn thần thánh và kể cả điểm nhãn khai quang Phật. Chúng ta đốt vàng mả, đốt hình nhân thế

mạng... Làm những việc làm ấy rõ là chúng ta quên chúng ta là ai, chúng ta học tu theo ai, theo đạo gì? Dường như chúng ta quên hết ráo, mà chúng ta “QUAY VỀ NƯƠNG TỰA” quá chí thành với Thọ Mai gia lễ của tác giả Hồ Sĩ Tân hiệu Thọ Mai và Chu Công gia lễ thời xưa của Trung Quốc.

THỌ MAI GIA LỄ là một quyển sách viết về gia lễ thời xưa Việt Nam, của tiến sĩ Hồ Sĩ Tân (1690-1760) làm quan Hàn lâm Thị chế triều Bảo Thái, trong đó có sao chép trích lục ít nhiều kiểu nào đó của Chu Công gia lễ thời nhà Chu Trung Quốc như đã nói trên. Tất cả những tập tục chọn ngày, nói nôm na là tập tục coi ngày: coi ngày ma chay, coi ngày đám cưới, đám hỏi, nạp lễ vấn danh, coi ngày xây nhà cửa, xây đền chùa, coi ngày trồng cây cắt tóc, coi ngày cất áo làm chuồng gà... đều phát xuất từ Thọ Mai gia lễ và Chu Công gia lễ xa xưa.

Hiếu là hiếu vậy, nhưng Thọ Mai kể cả Chu Công là những tác nhân đề xuất gia lễ. Nhưng suy cho cùng, họ cũng không phải là người cố tình đầu độc những điều tệ hại vô ích cho ai. Bởi vì, chấp nhận hay không chấp nhận, tin hay không tin, không ai sử dụng uy quyền bắt buộc chấp hành triệt để bằng cách rập kiểu y khuôn. Những người đệ tử Phật chân chánh, học theo con đường Văn Tư Tu của đức Phật thì đã có sao đâu !

Liễu Liễu Đường,

Ngày 02/11/2011 (07-10-Tân Mão)

Đối tượng tham thiền 20

GÌ LÀ TAM NĂNG ? TAM BẤT NĂNG CỦA PHẬT ?

GÌ LÀ TAM NĂNG, TAM BẤT NĂNG CỦA PHẬT? Viết đề tài này lòng tôi hướng về những người thiện hữu tri thức đồng nghiệp Khất sĩ của tôi, cùng một lúc tôi nhớ đến hình ảnh bao nhiêu Phật tử nam nữ gần xa lũ lượt đến chùa dâng hương lễ Phật. Nhớ hình ảnh ấy tôi thấy nó đẹp và đầm ấm đạo tình thanh thoát làm sao! Một thoáng an lành sung sướng trôi qua, tôi chợt nhớ trong số Phật tử thuần thành lũ lượt đến chùa, tay bưng, tay xách hương hoa trà quả với tấm lòng tôn quý Tam bảo sâu sắc tận đáy lòng. Việc đó khiến cho tôi nhớ đến vai trò bổn phận và trách nhiệm của hàng trưởng tử Phật tử tu sĩ chúng ta! Viết những dòng này cũng là viết cho tôi, và với chân tình tha thiết tôi muốn gửi đến và nhắc

nhở những thiện hữu tri thức đồng nghiệp với tôi rằng: TAM NĂNG, TAM BẤT NĂNG CỦA PHẬT là sự thật, chúng ta phải giáo hóa thế nào, “thuyết pháp” thế nào làm cho hàng Tăng Ni trẻ và nhất là hàng Phật tử nam nữ tại gia hiểu về Phật về đức Bốn sự của chúng ta kỹ càng hơn, rằng: Đức Phật của chúng ta, Bốn sự của chúng ta vốn là một con người và thật sự là một con người có lịch sử, có lý lịch đường hoàng ở xứ Ấn Độ trước đây. Tôi tha thiết nhắc các bạn, chúng ta truyền đạt, thuyết minh, diễn giải cho hàng Phật tử gần xa của chúng ta hiểu kỹ rằng: Đức Từ phụ Thích Ca Mâu Ni của chúng ta không phải là một ĐỨC, một Đấng... như những đấng siêu nhân, siêu nhiên khác mà số đông nhân loại đã đặt trọn niềm tin tưởng tôn thờ. Chúng ta truyền đạt cho họ biết đức Phật của chúng ta giản dị bình dân triệt để, có lẽ phát xuất ở lòng từ bi.

Qua từ nhãn quan của Phật, Phật và mọi người không hề có khoảng cách, Phật và mọi giai cấp trong xã hội của loài người cũng không hề có khoảng cách. Chúng ta biết Phật là hoàng tử xuất gia, đã từng ăn ngon mặc đẹp, ở sang ngủ kỹ... Vậy mà những người ngoại cấp hạ tiện nghèo hèn nhất xứ Ấn Độ thời bấy giờ ăn ở như thế nào Phật cũng hòa đồng như thế ấy. Họ ngủ nghĩ như thế nào Phật

cũng ngủ nghĩ như thế ấy,... thậm chí lại còn đơn giản hơn nhiều. Căn cứ tấm lòng ấy, hành động ấy của đức Phật, chúng ta thấy rõ đức Phật đâu còn cần gì nữa...! Thế cho nên, những ngôn từ danh xưng trân trọng và tôn quý như ĐỨC, ĐẮNG... nghe ra đức Phật chẳng có chút nào thích ý vui lòng... hơn !

Giáo lý và kinh điển đạo Phật không hề khoa trương giá trị tự tôn đức Bốn sư mình, mà kinh điển Phật chỉ và nói rõ rằng Phật Thích Ca còn có TAM NĂNG, TAM BẤT NĂNG. Thế cho nên đường lối tu hành Phật dạy, hãy TÙY THUẬN PHÁP TÁNH, XỨNG TÁNH KHỞI TU, có nghĩa là đường lối học đạo, hành đạo và chứng đạo trong đạo Phật chỉ là người biết “Tùy thuận pháp tánh, xứng tánh khởi tu”. Vì vậy, dù người ta gọi Phật là Như Lai, Thế Tôn, Phật không vượt ngoài vòng chân lý ấy, đức Phật làm được ba điều và ba điều không làm được:

1. Đối với hiện tượng vạn pháp dù có mà Phật không tương quan dính mắc bởi lòng tham. Thế cho nên Phật nhìn vạn pháp như chẳng có gì.

2. Chưa cần ai hỏi, Phật đã biết căn tánh và bản chất của sự vật hiện tượng.

3. Phật có thể giáo hóa và cứu hộ chúng sanh bao nhiêu cũng được nếu chúng sanh cần.

Đó là ba điều Phật làm được, còn ba điều Phật không làm được:

1. Dứt trừ định nghiệp cho con người cũng như cho mình tức thời không được.
2. Người vô duyên Phật không cứu giúp được
3. Thế giới của con người sinh hoạt sống còn, Phật không làm nó sạch sẽ hay hoại diệt, tiêu ma, biến mất được.

1. 能空一切相成萬法之智

而不能即滅定業

2. 能知群生性窮億劫生死事

而不能化導無緣

3. 能度無量無數眾生

而不能度盡眾生界

Vậy thế nào là tùy thuận pháp tánh?

Thí dụ, trên đường đi khất thực gặp cơn gió bão, mưa to ập đến đức Phật vẫn tìm nơi trú ẩn để khỏi bị họa hại,... đêm đến tạm ngủ nghỉ ở mé rừng bên

suối tìm chỗ không rắn độc, thú dữ... để tránh khỏi tai ương,... không gần gũi lân la với những người ăn tạp, uống bạo, say sưa mất trí để tránh hậu quả,... trọng đại hơn hết là bản ngã tự thân của mình và nhân loại. Mọi người sanh ra ai rồi cũng có già, có bệnh và chết thì đức Phật cũng đã có sanh ra, cũng già, cũng bệnh rồi cũng chết. Thế thì hàng Phật tử, Tăng tục đệ tử Phật chúng ta đừng hy vọng đức Phật cứu giúp cho ai đó bằng sự trân trọng, tôn quý, xem đức Phật như một ĐỨC một Đấng thần linh tùy tình cảm khẩn nguyện chân thành mà thi ân ban phước.

Có thể nói người đệ tử thuần thành và thân thương của Phật là người biết ứng dụng lời Phật dạy: TÙY THUẬN PHÁP TÁNH, XỨNG TÁNH KHỞI TU.

Liễu Liễu Đường,

Ngày 03/11/2011 (08-10-Tân Mão)

Đối tượng tham thiền 21

GÌ LÀ XỨNG TÁNH KHỞI TU ?

XỨNG TÁNH KHỞI TU và TÙY THUẬN

PHÁP TÁNH là cách nhìn hai mặt của một vấn đề. Như ta đã biết, sự vật hiện tượng trong vũ trụ luôn luôn chuyển biến không ngừng mọi mặt: thời tiết thì có xuân hạ thu đông, năm tháng ngày giờ thì có tý sửu dần mẹo thìn ty,... thay đổi chung chung thì có vinh hư tiêu trưởng, thay đổi của loài động vật cao cấp là con người thì sanh già bệnh chết, thay đổi của vật chất vô tình thì có sanh trụ dị diệt, thay đổi của vũ trụ thì có thành trụ hoại không. Những sự thay đổi ấy là tất yếu tất nhiên. Người ta gọi nó là luật, cũng gọi là quy luật. Quy luật là cái mà người ta không thay đổi được, không có cách làm đảo ngược chúng. Những sự chuyển biến đổi thay không có cách gì thay đổi ấy, đức Phật gọi đó là vô thường. Nó biểu hiện sự bất ổn bao trùm cả sự vật hữu tình,

vô tình và cho tất cả hiện tượng vạn pháp. Đạo Phật gọi vô thường là một chân lý. Là người trí thức, trình độ hiểu biết rộng sâu, người ta bình thản an lành không bao giờ có khởi ý dụng tâm cưỡng lại với chân lý vô thường. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là người giác ngộ chân lý đến đỉnh cao vô thượng, thành công trong cuộc sống, thanh thản, bình an, du hí thần thông tự tại trong cảnh Niết bàn, đó là kết quả của tinh thần tùy thuận chân lý mà nên.

Tánh của vạn pháp truy nguyên cùng tột, vạn pháp vốn không có tánh gì, vạn pháp không có tánh tạo vui cũng như không có tánh tạo khổ cho con người. Tánh của vạn pháp nhìn bằng tuệ nhãn, vạn pháp chỉ có một tánh là tánh THANH TỊNH BẢN NHIÊN. Tánh thanh tịnh bản nhiên ấy nhìn bằng Pháp nhãn gọi đó là Pháp tánh, nhìn bằng Phật nhãn thì tánh thanh tịnh bản nhiên ấy là Phật tánh. Tu tập Giới Định Tuệ, con người sẽ thành tựu Giải thoát và Giải thoát tri kiến. Sử dụng thành quả Giải thoát, Giải thoát tri kiến con người tự trở về với Pháp tánh và Phật tánh vốn có của mình. Gọi là thành Phật, được quả Vô thượng Bồ đề là người thực hành, điều chỉnh lối sống, tu sửa thân khẩu ý ngang bằng với đức tánh thanh tịnh vốn có của con người mình.

Xứng có nghĩa là cân, làm cho ngang bằng. XỨNG TÁNH KHỞI TU nghe qua ai cũng tưởng là tu dữ lắm, hành dữ lắm, phải trì chú này, phải tụng kinh kia, phải lần mỗi ngày mấy trăm mấy ngàn tràng hạt, phải ăn chay trường cho thật khắc khổ, phải ngồi sững sờ trước điện Phật ngày mấy tiếng đồng hồ, phải lễ bái tứ phương,... lục phương... Sự thật, đức Phật dạy không cần làm việc đó, đức Phật chỉ dạy cho đệ tử mình hãy nghe, suy nghĩ và ứng dụng điều chỉnh tam nghiệp mình cho ngang bằng với TỰ TÁNH THANH TỊNH vốn có của mình mà không cần làm gì thêm nữa. Ý nghĩa mà Phật dạy TU VÔ TU TU, HÀNH VÔ HÀNH HẠNH, CHỨNG VÔ CHỨNG CHỨNG phát xuất từ nguồn giáo lý TÙY THUẬN PHÁP TÁNH, XỨNG TÁNH KHỞI TU...!

Liễu Liễu Đường,

Ngày 03/11/2011 (08-10-Tân Mão)



Đối tượng tham thiền 22

... SANH TỬ BẤT TƯƠNG CAN ?

SANH TỬ BẤT TƯƠNG CAN, bạn thắc mắc muốn tìm ra ý nghĩa của tư tưởng lạ kỳ và có phần táo bạo ấy, bạn muốn đặt vấn đề: người để lại câu ấy ở CHỨNG ĐẠO CA, Huyền Giác Thiền sư nói thật hay nói chơi?

Rằng cũng thật, cũng chơi. Tại sao? Bởi vì với ai đó thì thật vì là chuyện có thật, đã có người đã được đang được và sẽ được như bạn như tôi chẳng hạn vì chúng ta cùng là đệ tử Phật mà !

SANH TỬ ví như cái gút của sợi dây vốn suôn sẻ bị thắt thành gút. Với trẻ con thì gút là thật, sợi dây không còn trơn tru suôn sẻ, không còn dùng được nữa, bỏ đi nó buồn... lắm! Với người lớn, trí tuệ có thừa, nhìn sợi dây không suôn thẳng biết ngay nó bị thắt gút. Gút do thắt, không thắt thì không có

gút. Đã là gút, gút nào cũng do thắt mà thành, đã là gút thì gút nào cũng có đầu mối của gút và trung tâm của gút. Người trí tìm đầu mối của gút, rồi phẳng theo mối mà tìm trung tâm gút. Đã biết được trung tâm thì theo đầu mối ấy mà tháo gút, gút sẽ được tháo tung, tháo tung trung tâm gút rồi trả lại sự trơn tru suôn sẻ của sợi dây. Bây giờ, gút đã mất thì sợi dây không còn là vấn đề được đặt ra... Dựa trên dây gút mà suy ta thấy, gút đối với trẻ con là vấn đề đáng ưu tư buồn bã, thậm chí khổ đau vì chúng thấy sợi dây của mình không còn dùng vào đâu được nữa! Nhưng với người trí nhìn sợi dây bị gút chằng có gì đáng ưu tư sầu muộn, bởi vì nó chỉ là một cái gút! Đối với người trí chuyện mở gút có khó khăn gì, dựa trên mối mà tìm trung tâm gút, mở trung tâm gút thì gút không còn.

Sanh tử bất tương can của Huyền Giác để lại cũng chơi mà cũng thật, cái gút thắt to tướng trở thành nguyên nhân ưu tư sầu muộn, thậm chí có lúc cùng cực khổ đau là cái gút bản ngã và ngã sở hữu của con người. Con người bằng lòng đi theo con đường Phật, học chánh pháp, hành chánh pháp và sống theo chánh pháp, người đệ tử Phật thấy “Chơn tánh hữu vi không, duyên sanh cố như huyền, vô vi vô khởi diệt, bất thật như không hoa...”. Tiếp nhận

quá trình Văn Tư Tu ấy hành giả xa dần... xa dần cho đến lúc viễn ly, rồi ly cái gút ngã, ngã sở hữu của mình. Người ly ngã và ngã sở hữu là người đã mở banh gút đối với một sợi dây. Với hạng người thành phần trưởng nam, trưởng nữ này của Phật thì sanh tử bất tương can là nói thật. Trái lại, các bạn và tôi cũng như số đông Phật tử nào đó không vận dụng Văn huệ, Tư huệ và Tu huệ thì dầu chúng ta có nghi trang đạo mạo, sửa sang đạo phục, thủ thuật khéo léo cách nào mà cái gút ngã và ngã sở hữu còn nguyên thì lời nói ý tứ của Huyền Giác Thiền sư để lại đối với chúng ta chỉ là hí luận...

Liễu Liễu Đường,

Ngày 04/11/2011 (09-10-Tân Mão)



Đối tượng tham thiền 23

NGÃ LÀ GÌ ?

Ngã chỉ là khái niệm, là văn tự, ngữ ngôn. Trong ngôn ngữ không tìm ra gì là ngã? Trong văn tự không tìm ra gì là ngã? Và trong khái niệm cũng không tìm ra ngã là gì? Vậy mà thực tế trong cuộc sống của loài người dù ngôn ngữ văn tự có khác mà ý niệm NGÃ, CHẤP NGÃ thì mọi người cùng nhận thức như nhau rằng: NGÃ như những gì có thật.

Như chúng ta đã biết ngã không là gì hết nhưng ngã có thể làm cho con người trong cuộc sống ưu tư sâu muộn, thậm chí khổ đau cùng cực lại cũng chính vì ngã, khi ngã nó trở thành cái gút chấp ngã. Sử dụng vốn liếng tuệ nhãn của mình Thiên giả sẽ trả lời KHÔNG CÓ NGÃ. Chẳng những con người không có ngã mà tất cả hiện tượng vạn pháp cũng không có ngã.

Vậy NGÃ là gì? Theo giáo lý đạo Phật, ngã một cá thể nào đó tự nó sanh ra nó, nó tự sanh, tự chủ, tự tồn, tự tại, bất biến dịch, bất hoại diệt... Có đủ những tiêu chuẩn trên gọi đó là ngã. Nhưng nhìn hiện tượng vạn pháp bằng tuệ nhãn thì tất cả pháp không có pháp nào đủ những tiêu chuẩn để trở thành tự ngã. Do vậy, Thế Tôn nói **TẤT CẢ PHÁP KHÔNG NGÃ**. Căn cứ trên lời dạy của Phật, nếu ai đó **CHẤP NGÃ** thì đó là người chấp mắc sai lầm, chưa có vốn liếng trí tuệ, họ nhìn vạn pháp với nhục nhãn của phàm phu, bởi lẽ **NGÃ** đã không thì ý niệm **CHẤP NGÃ** rõ là phi chân lý, là sản phẩm của vô minh nghiệp tướng !

Liễu Liễu Đường, ngày 05/11/2011

(10-10-Tân Mão)

Đối tượng tham thiền 24

PHÁP LÀ GÌ ?

Pháp, Duy thức học định nghĩa: “Nhậm trì tự tánh quy sanh vật giải”, 任持自性俛生物解, có nghĩa rằng: Mỗi sự vật có hình dáng, kích thước, khuôn khổ, lớn nhỏ, cao thấp hoặc sắc màu... của nó, để cho người ta trông vào nó người ta biết nó là nó mà không hề lẫn lộn với cái gì khác, mỗi một cá thể sự vật như vậy gọi là một pháp. Sự vật hiện tượng trước mắt dù lớn dù nhỏ, dù cao dù thấp, dù gần dù xa... ngàn sai muôn khác có mặt trong vũ trụ gọi chung một danh từ “vạn pháp”.

Vạn pháp nhìn qua Phật nhãn, tự tánh chúng thanh tịnh bản nhiên. Tự tánh thanh tịnh bản nhiên có nghĩa là tánh của pháp, tánh của sự vật ấy không xấu không tốt, không ác không thiện, không có tánh nhiễm ô và không hề làm nhiễm ô con người... Vậy mà, con người có thể bị nhiễm ô vì vạn pháp, con

người khởi niệm phân biệt, đam mê, lưu luyến, chiếm đoạt, bảo thủ hoặc chê bai, phỉ báng, phản đối, đánh đổ... gây tạo cho mình ý niệm vui buồn thương ghét, gọi đó là người chấp pháp.

Một pháp cũng như vạn pháp hình thành có mặt từ nhân duyên sanh, mà nhân duyên thì trùng trùng vô tận không tìm ra đầu mối được. Đầu mối của pháp là gì? Không có! Do pháp này có mà pháp kia có, pháp này không thì pháp kia không, pháp này sanh thì pháp kia sanh, pháp này diệt thì pháp kia diệt, pháp này có mặt thì pháp kia có mặt, pháp này vắng mặt thì pháp kia vắng mặt... Chân lý vô ngã của hiện tượng vạn pháp là vậy. Cho nên chúng ta cần phải học PHÁP vô ngã, NGÃ vô ngã, nhất thiết pháp vô ngã...

Liễu Liễu Đường, ngày 08/11/2011

(13-10-Tân Mão)



Đối tượng tham thiền 25

PHẢI LÀM GÌ NGƯỜI ĐỆ TỬ ĐƯỢC THẤY PHẬT ?

¶ Phải làm gì người đệ tử Phật thấy được Phật?

Hàng Phật tử Tăng tục chúng ta rất phải xem trọng vấn đề ấy. Nếu không khéo học, khéo tu ta nhớ tưởng Phật thường xuyên, đến chùa cúng Phật, lạy Phật, khấn nguyện mỗi ngày, ta tụng kinh đầu hôm sớm mai trước Phật đài đều đặn suốt tháng quanh năm! Vậy mà, hãy coi chừng! Phật nói, người học trò ấy chưa hề thấy Phật, thậm chí vĩnh viễn không biết Phật là ai !

Đến chùa cúng lạy không phải là điều kiện để thấy Phật.

Thường xuyên lễ bái, khấn nguyện, cầu xin không phải là điều kiện để thấy Phật.

Tụng kinh giỏi, tụng hết bộ kinh 500 trang trọn một ngày không phải là điều kiện để thấy Phật.

Cúng chùa một lần một tỷ VNĐ, không phải là điều kiện để thấy Phật.

Đại nạp một lần ba tỷ VNĐ để tổ chức trai đàn,... vớt vong dưới sông, ngoài biển khẩn gọi những hồn đơn, phách chiếc, chết bụi chết bờ,... thỉnh “thầy” tụng tán hát xướng ngâm nga... nguyện cầu siêu sanh Tịnh độ... không phải là điều kiện để thấy Phật.

Nguyện làm thí chủ chi ra mười lăm tỷ VNĐ để lập chùa cầu phúc hy vọng đức Phật bằng lòng... không phải là điều kiện để thấy Phật.

Nguyện làm “đại thí chủ” hiến cúng hai trăm tỷ VNĐ để lập chùa thật đồ sộ nguy nga, nhà ngang dãy dọc,... tượng Phật đúc vĩ đại toàn bằng đồng... cao lớn nhất đó... đây, không phải là điều kiện để thấy được Phật v.v...

Nói như thế là phủi sạch công lao, phủ nhận tất cả tâm thành của những người có lòng lành ư ?

Thưa: không phải! Nói để chỉ cách tìm thấy Phật cho những đệ tử nào muốn gặp, muốn thấy được Như Lai.

Mời! Chúng ta cùng học:

“Nhược dĩ sắc kiến ngã
Dĩ âm thanh cầu ngã
Thị nhân hành tà đạo
Bất năng kiến Như Lai”!

若以色見我
以音聲求我
是人行邪道
不能見如來

Học nữa:

“Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng,

Nhược kiến chư tướng, phi tướng tức kiến Như Lai”

凡所有相皆是虛妄
若見諸相非相,即見如來

Học thêm:

“Ly nhất thiết chư tướng tức danh chư Phật”!

Những câu kệ trên, Phật tử nào muốn tìm hiểu kỹ xin xem Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Kinh của tác giả Như Huyền Thiên sư xuất bản năm 2009.

Đó là những lời thiết yếu Phật dạy cho những người đệ tử muốn thấy Phật phải làm gì và chẳng nên làm gì !

Liễu Liễu Đường, ngày 06/11/2011

(11-10-Tân Mão)

Đối tượng tham thiền 26

CHA MẸ CHƯA SANH TA LÀ AI ?

CHHA MẸ CHƯA SANH TA LÀ AI, đặt ra một câu hỏi thật là ngây ngô và vô lý, người có trí không ai nêu ra câu hỏi như thế. Vậy mà, hơn một ngàn năm trước có người đã đặt ra và đã sử dụng cái chót lưỡi dễ cong, cái vành môi dễ uốn, dụ dỗ mê hoặc số người nhẹ dạ dễ tin, họ tạo cho mình một hào quang tôn giáo, cũng xây dựng cho mình một cơ ngơi sự nghiệp nào đó với danh nghĩa là người đệ tử Phật, họ thay thế Phật tự đặt cho mình một vai trò giáo đạo quần sanh với một danh xưng truyền thống trong đạo Phật được nhiều người tôn trọng: Thiền sư. Bằng quý hiệu Thiền sư ấy, họ tự đặt mình là người xiển dương thiền đạo cho một giáo phái, cũng được gọi là thiền, một thứ thiền không VẤN không TU và đương nhiên không dựa vào chánh kiến để TU tập.

Để ra một ít tư duy, người trí ai cũng thấy rõ sự ngây ngô của câu hỏi: “Cha mẹ chưa sanh ta là ai?”, cha mẹ chưa sanh thì làm gì có TA. Ta đã chưa có, không có thì cái từ AI để hỏi cái gì? Rõ là ngây ngô vô lý. Vậy mà, mệnh danh với tôn hiệu Thiên sư người ta đã bắt buộc, đã dạy dỗ cho những số người nhẹ dạ dễ tin gọi là “ngồi thiền” để tưởng để tìm ý nghĩa trong câu hỏi không bao giờ có nghĩa! Rồi, người ta đặt cho thiền phái ấy là thiền “KHÁN CÔNG ÁN” “THOẠI ĐẦU”! Phái thiền này tự cho mình là phát huy để khôi phục dòng thiền, cũng không tương quan với đường lối tu học Văn Tư Tu của đạo Phật là phái thiền Dương Kỳ, một phái thiền truyền thừa bằng cách: đập, đánh, lôi, kéo, thoi, thụi, tát, hét, mắng, néo mũi, véo tai...

Là một Thiên sư đệ tử Phật chánh thống ai cũng học thiền quán, có thể nói như bài học vỡ lòng cho các thầy Tỳ kheo về những đối tượng thiền như Tứ niệm xứ, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất Bồ đề phần, Bát chánh đạo... Những pháp thiền quán ấy đều dựa theo sự hướng dẫn chỉ giáo của lời Phật ý kinh và của minh sư truyền trao dạy bảo...

Ngồi trân, ngồi sững để TƯỞNG để TÌM ý nghĩa của một câu hỏi không hề có nghĩa... Ai là đệ

tử Phật, khách quan vận dụng Văn, Tư, nhận thức phân biệt rồi xét lại thử xem...?

Có thơ rằng:

Thiền ngồi tìm tưởng những gì đây ?

Mòn lẩn xương khu mỏng dít chai !

Thiền bởi óc tim, không ở dít !

Hành hà bàn toạ, nghĩ thương ai... !

Liễu Liễu Đường, ngày 06/11/2011

(11-10-Tân Mão)



Đối tượng tham thiền 27

NGÃ SỞ HỮU LÀ GÌ ?

Ngã sở hữu là sở hữu của ngã, của bản ngã.

Như chúng ta đã biết “bản ngã” là đối tượng chấp nặng nề của nhân loại. Thành phần nào, chủng tộc nào nếu không phải là người học tu theo đạo Phật thì đều có ý thức chấp ngã giống nhau. Đối với đạo Phật, diệt trừ bản ngã là dụng công đứng đầu. Như ta đã biết, kinh điển giáo lý Phật dạy rằng: Tâm con người vốn thanh tịnh, vốn sáng suốt ví như một chiếc khăn lụa dài mịn màng trơn láng tốt đẹp và sạch sẽ, nhưng do duyên cơ nào đó người ta lấy cái khăn thắt thành một gút. Kể từ đó, cái khăn không còn trơn láng mịn màng đẹp đẽ nữa vì cái khăn đã bị thắt gút, rồi người ta thắt thêm lần nữa gọi là gút thứ hai... và người ta có thể thắt vô số gút trong một chiếc khăn.

NGÃ và ý niệm CHẤP NGÃ ví như cái gút thứ nhất của chiếc khăn lụa đẹp như ta đã biết. NGÃ SỞ HỮU ví như gút thứ hai... và những gút theo sau tùy người ta có thể thắt nhiều hay ít. Đã là gút, thì gút thứ nhất cũng đã làm cho chiếc khăn không còn trơn láng mịn đẹp và gút thứ hai, gút thứ ba,... bao nhiêu gút sau nữa cũng làm cho chiếc khăn lụa bị thắt gút tác tệ thêm hơn.

Giáo lý đạo Phật dạy, bản ngã và con người chấp bản ngã là đầu mối khổ đau, là nguyên nhân khổ đau thứ nhất. Khởi niệm chấp ngã con người tạo cho mình một niệm đen tối đầu tiên gọi là VÔ MINH NGHIỆP TƯỚNG, tức là tướng nghiệp vô minh. Khi con người chấp tướng ngã tự thân thì sở hữu của ngã không thể không có. Ví dụ: thân của ta, nhà của ta, vợ của ta, chồng của ta, con của ta, đất đai vườn tược sự nghiệp của ta, mồ mả của ta, tháp của ta, chùa của ta, tượng Phật của ta... Tất cả những món vật thể, phi vật thể sau từ “của”, gọi đó là NGÃ SỞ HỮU.

Ngã và ngã sở hữu là hai đối tượng thiền trọng tâm then chốt trên đường học đạo và thực hành tu tập của hàng đệ tử Phật xuất gia cũng như tại gia.

Pháp môn tu đối trị ngã chấp cũng như ngã sở hữu chấp, Phật đã chỉ dạy cho nhóm Kiều Trần Như

năm người về TỨ NIỆM XỨ ở thời pháp Tứ Diệu
Đế đầu tiên tại Lộc Dã Uyển.

Liễu Liễu Đường, ngày 7/11/2011

(12-10-Tân Mão)



Đối tượng tham thiền 28

LÀM SAO BIẾT THẾ NÀO LÀ ĐẠO PHẬT THẬT ?

ĐẠO PHẬT THẬT nói ở đây tức là đạo Phật truyền thống không lai căn, không lẫn lộn với đường lối dạy dỗ truyền trao và phương pháp hành đạo với các đạo khác. Hiện nay, thế kỷ XXI này có rất nhiều đạo, có thể nói không ai biết chắc chính xác có bao nhiêu đạo, đạo Phật là một trong nhiều đạo ấy. Xu thế thời đại ngày nay người ta rất bằng lòng gọi đạo là tôn giáo, mỗi đạo là một tôn giáo. Người lãnh đạo tôn giáo cũng như những người tín đồ, giáo hữu, đạo hữu tu theo một đạo nào đó thì người ta gọi đạo của mình tu là bản đạo, nói theo tiếng miền bắc Việt Nam, nói theo tiếng miền nam Việt Nam là bản đạo. Bản đạo hay bản đạo có nghĩa là nội đạo, đạo của chúng ta. Người tu khác đạo của chúng ta tu, gọi đó là ngoại đạo.

LÀM SAO BIẾT THẾ NÀO LÀ ĐẠO PHẬT THẬT? Biết đạo Phật thật, ta có thể căn cứ những điểm sau đây:

1. **PHƯƠNG PHÁP DẠY ĐẠO:** Phương pháp dạy đạo của đạo Phật trước hết thuyết minh, diễn giải, phân tích, hướng dẫn cho người học đạo nghe. Người học đạo sau khi nghe tự mình trọn quyền suy nghĩ, tự mình nhận thức theo lý trí của mình. Sau khi nhận thức có quyền phê phán, đánh giá phải trái, đúng sai, chân lý phi chân lý. Cuối cùng, mới tiếp nhận những điều mình cần học và tu tập theo những điều của vị minh sư hướng dẫn.

NGHE, trước hết phải được nghe. **SUY NGHĨ** toàn quyền sử dụng lý trí, phân tích và nhận thức đúng sai, chân lý phi chân lý. Sau hết **THỰC HÀNH** những điều chân lý mình đã học. Đó là phương pháp hướng dẫn theo một quá trình Văn Tư Tu của đạo Phật.

2. **NỘI DUNG TU TẬP VÀ HÀNH ĐẠO:** Chữ tu trong đạo Phật có nghĩa là sửa, là sửa đổi. Chữ tập có nghĩa là làm cho thành thói quen. Do vậy “tu tập” hay “tu hành” có cùng một nghĩa sửa đổi, tập làm những điều thiện, điều tốt mình cần sửa, cần làm, và loại bỏ sửa đổi những điều ác, những điều xấu cần bỏ.

3. **ĐƯỜNG LỐI SINH HOẠT CỦA NGƯỜI THEO ĐẠO:** Đường lối sinh hoạt và cách sống của đức Phật Thích Ca xưa kia vô cùng giản dị, đức Phật đã từ bỏ phú quý vinh hoa, cung vàng điện ngọc... làm người Khất sĩ rày đó mai đây để làm tròn tâm nguyện tự giác, giác tha suốt mấy mươi năm hành đạo của đời mình. Đường lối tu tập của đạo Phật, phương tiện thì vô cùng, mà cứu cánh gói trọn trong một bài kệ sau đây:

*“ Các điều ác không làm
Làm hết thấy điều lành
Tâm ý mình trong sáng
Chư Phật dạy như thế”.*

4.ĐẠO PHẬT KHÔNG THẬT: Đạo Phật không thật nói cách khác là đạo Phật lai căn, biểu hiện qua các hình thức đại khái như sau:

- Cầu nguyện thế giới hoà bình.
- Cầu nguyện quốc thái dân an.
- Cầu nguyện bá gia bá tánh an cư lạc nghiệp, hạnh phúc sang giàu.
- Cầu mưa thuận gió hoà.
- Cầu vong hồn siêu sanh cực lạc.
- Cầu Diêm vương, quỷ sứ nới tay...

Và, tất cả quà cáp cúng kính để làm điều kiện cầu xin. Những điều như vậy là sự biểu hiện của đạo Phật không thật. Bởi vì, đức Phật xưa kia không hề biết làm, cũng không hề làm cho ai, vì có làm cũng chắc chắn không hề đem lại kết quả gì ...!

Liễu Liễu Đường, ngày 7/11/2011

(12-10-Tân Mão)

Đối tượng tham thiền 29

LÀM SAO BIẾT THẾ NÀO LÀ NGOẠI ĐẠO ?

Chúng ta theo một đạo, nói cách khác theo một tôn giáo nào đó thì tôn giáo đó là đạo của chúng ta. Thí dụ, chúng ta cùng học tu theo đạo Phật thì đạo Phật là đạo, là tôn giáo của chúng ta. Chúng ta cùng tu một tôn giáo, một đạo thì đạo ấy đối với chúng ta là nội đạo. Những người khác, người ta tín ngưỡng Thiên chúa giáo thì những người giáo hữu Thiên chúa giáo đối với chúng ta, họ là ngoại đạo... Đối với các đạo khác cũng có một ý nghĩa tương quan nội và ngoại đạo như vậy. Điều đó là sự tất nhiên không có gì đáng nói hay luận bàn...

Câu hỏi LÀM SAO BIẾT THẾ NÀO LÀ NGOẠI ĐẠO? Đáp câu hỏi này, cũng như người sẽ được nghe đáp, cần có một tâm trạng lóng lạng nhẹ nhàng và một ý thức bình tĩnh khách quan mới có thể nhận thức vấn đề và lẽ thật qua lý trí trong sáng của mình.

Những điều hướng dẫn, giải đáp trong phạm vi bài viết đơn sơ, đại lược này là những chỉ điểm cho thành phần Tăng Ni trẻ và Phật tử gần xa trong hàng ngũ đệ tử Phật trong Phật giáo mà thôi. Bởi vì, hàng ngũ Tăng Ni Phật tử chúng ta đương nhiên là đạo Phật, tôn thờ Phật Thích Ca là giáo chủ, là Từ Phụ Bổn sư của mình. Nếu người đệ tử Phật, Tăng cũng như tục đồng học chánh pháp, đồng hành chánh pháp và sống theo chánh pháp thì vấn đề nội ngoại không có cơ sở để đặt ra. Vấn đề nội ngoại đặt ra, bởi trong hàng ngũ đệ tử Phật chúng ta có những thành phần hoạt động “Phật sự” mà không phù hợp với đường lối “Tư, Tu, Định, Tuệ” của đạo Phật. Việc làm của số người này, mệnh danh là Phật sự mà những việc làm đó không phù hợp, không phục vụ đường lối giác ngộ, giải thoát của đạo Phật. Thí dụ:

- Tu Mật tông, TRÌ CHÚ để cầu đảo gió thuận mưa hoà, cầu đảo tạt bệnh tiêu trừ, cầu đảo kinh doanh phát đạt, gia đạo bình an... thư bù... yếm đối...

- Tụng kinh Phổ Môn, lạy Dược Sư sám pháp, Lương Hoàng sám pháp, Từ Bi Thủy sám pháp... rồi nguyện đem công đức ấy cầu an cho thí chủ tạt bệnh tiêu trừ, tội diệt phước sanh...

- Tụng kinh A Di Đà cầu siêu sanh Tịnh độ,...
tụng kinh Địa Tạng cầu siêu sanh Tịnh Độ giá trị
cao hơn...

- Cúng sao giải hạn, cúng tam tai, coi giờ chôn
cất không giờ (0 h)...

- Vớt vong dưới nước, rước hồn phách trên bờ,
thiết lập trai đàn đưa hồn về Tây phương Cực lạc...

Đó là kể đại lược những điều, những việc làm
của hàng Tăng Ni và Phật tử đến chùa tổ chức cúng
bái cầu nguyện, khẩn khứa trong chùa. Những việc
làm đó, thành phần người đó, đạo Phật kể họ là
ngoại đạo, vì sự tu hành cũng như sự học tập và hiểu
biết của họ hướng ngoại mong cầu. Đối với đạo Phật,
người học đạo, hành đạo dù đã ở trong hình thức
xuất gia mà việc làm, đức tin, sự hiểu biết của họ
hướng ngoại tìm cầu, tin tưởng ở những ông, những
đấng vô hình phò trì giúp đỡ... Đạo Phật xem đó là
những người thuộc thành phần ngoại đạo...

Liễu Liễu Đường, ngày 8/11/2011

(13-10-Tân Mão)

Đối tượng tham thiền 30

VÀO ĐẠO PHẬT

Đạo Phật thì ai vào cũng được. Tôn chỉ và mục đích đạo Phật là: Từ, Bi, Hỉ, Xả. Nếu thêm chữ ĐẠY ở phía trước, thành bốn danh tự: Đại từ, Đại bi, Đại hỉ, Đại xả. Đạo Phật gọi đó là Tứ Vô Lượng Tâm.

Đại từ: Cho vui, chỉ bày quả an vui và nguyên nhân đem đến an vui.

Đại bi: Cứu khổ, chỉ ngay quả khổ và nguyên nhân đưa đến quả khổ.

Đại hỉ: Thấy ai lìa khổ được vui, đều vui mừng bình đẳng mà không hề phân biệt chủng tộc, màu da, ngôn ngữ.

Đại xả: Thi ân cứu khổ, làm tất cả việc tự lợi, lợi tha viên mãn trọn cả cuộc đời mà không thấy mình có làm.

Tứ Vô Lượng Tâm vừa là bản hoài của ba đời chư Phật, vừa là tôn chỉ và mục đích xuất thế của chư Như Lai.

Phật giáo Việt Nam, Chùa, Am, Viện, Tịnh thất, Tịnh xá, Niệm Phật Đường... ở những nơi ấy, có tôn trí ba ngọc quý, đó là Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo. Ba danh tự này, được gọi chung qua cái mỹ từ tôn quý: TAM BẢO.

Tam bảo là:

- Phật quý!
- Pháp quý !
- Tăng quý!

Do vậy, người muốn vào đạo Phật, trước hết tìm hiểu ít nhiều về đạo Phật, tốt nhất nên nắm giữ tôn chỉ và mục đích của đạo Phật.

Hiểu, nhận thức ít nhiều tôn chỉ mục đích của đạo Phật, sau khi vào đạo người ta sẽ không còn bị bề ngờ hoặc hối hận về sự phát tâm “Quy y Tam bảo” đã làm. Trái lại ta thấy: quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng là hành động vô cùng bổ ích, vô cùng quý giá cho cuộc sống...

1. Quy y Phật: Quay về nương tựa Phật. Phật là bậc giác ngộ chân lý tột trên.

2. Quy y Pháp: Quay về nương tựa Pháp. Pháp Phật dạy có: Hiện pháp, kinh pháp và chánh pháp; gì là khổ, gì là nguyên nhân đau khổ; gì là vui, gì là nguyên nhân an vui. Chánh pháp của Phật dạy hoàn toàn chính xác, có bảo hành !

3. Quy y Tăng: Quay về nương tựa Tăng. Tăng là những người cùng... lý tưởng học đạo Phật, học chánh pháp, tu theo Phật pháp. Tăng là những người có giác ngộ, giải thoát từng phần hoặc trọn vẹn, tùy sở ngộ, sở tu của mỗi người.

VÀO ĐẠO PHẬT, may mà gặp được minh sư, rồi học chánh pháp, hành chánh pháp và sống theo chánh pháp, người đó không sự nghiệp mà giàu, không đài các mà sang, không địa vị mà tự do, không quý tộc mà hạnh phúc... Đây là điều có thật !

Liễu Liễu Đường, ngày 8/11/2011

(13-10-Tân Mão)

Đối tượng tham thiền 31

NĂM LẤY PHƯƠNG CHÂM

Đạo Phật thì ai cũng có thể vào, ai cũng có thể xin tu, đi tu theo đạo Phật. Vào đạo Phật, xin tu theo đạo Phật thì bình đẳng cho tất cả mọi người, nhưng quả giải thoát, giác ngộ, thành Phật bao nhiêu phần trăm thì tùy khả năng, nghị lực của mỗi con người !

Vào đạo Phật, xin tu theo đạo Phật thì bình đẳng, nhưng “học Phật” thì khó hơn không bình đẳng... bởi căn tánh sai khác của mọi người.

Người có tánh hướng ngoại, quá tự ti, tự cam chịu số phận thấp hèn, khinh mình không có khả năng thành Phật, “ngửa mặt mà tin”, tín ngưỡng ở “cảnh giới không hề ai thấy biết”! Người có tánh tự khinh ấy, trên đường “học Phật” họ tự loại mình ra! Họ tự đặt mình vào thành phần rơi rớt “bất bình đẳng” trong đạo Phật, vì họ không nghe được chân lý trong chân lý của cõi đời !

* Trong đạo Phật, có một số người tự tin tưởng rằng mình là đệ tử Phật “thuần thành” ! Bởi vì, họ đã dám bỏ ra số tiền hàng tỉ đồng, thậm chí hàng trăm tỉ... đồng, kiến thiết tạo lập “cơ ngơi” cho Phật để có Phật mà lạy, mà cúng, mà cầu nguyện van xin. Đố ai dám nói họ không phải là Phật tử thuần thành ?!

* Người ta đã vào đạo, đã thọ Tam quy, trì cấm giới, người ta cũng đã hứa trước điện Phật rồi. Thế nên, tự tin mình là Phật tử, một đệ tử Phật “thuần thành”, rõ là khó ai dám nói khác...

* Vào đạo Phật, tu theo Phật thì bình đẳng cho mọi người, nhưng “học được chánh pháp, hiểu được chánh pháp” còn đòi hỏi trình độ, căn cơ phải thích hợp !

Bởi vì, cái từ “Phật tử thuần thành” nó không dựa trên sự cúng dâng nhiều tiền bạc, kiến tạo cơ ngơi vật chất đồ sộ nguy nga... Một Phật tử thuần thành không dựa trên sự chịu cực giỏi, thức khuya, dậy sớm, lạy nhiều, khẩn dài... Một Phật tử thuần thành không dựa trên sự siêng năng : tay chuông, tay mõ, cóc boong... ê... a tụng tán... Một Phật tử thuần thành không dựa trên sự hy sinh sức khỏe, tụng mỗi ngày một bộ Pháp Hoa Kinh... Một Phật tử

thuần thành không dựa trên đức tin rời xa lý trí : thiết tha kêu tên Phật liên tục cả đêm lẫn ngày!... Một Phật tử thuần thành không dựa trên sự ngồi lâu, ngồi giỏi, thi ngồi... mà không biết đối tượng thiền là gì...!

Trái lại, một Phật tử thuần thành là: Phải học giáo lý, phải tìm hiểu lời kinh, ý Phật và thực hành giáo lý đó, tu sửa tam nghiệp thân, khẩu, ý của mình !

Từ khi sơ chuyển Pháp Luân ở Lộc Dã Uyển đến khi viên tịch tại Ta La Song Thọ, đức Phật thường đĩnh ninh nhắc chúng đệ tử :

VĂN – TƯ – TU

Văn nhi tư, tư nhi tu là phương châm vào đạo, học đạo và hành đạo, để chứng đạo cho những ai muốn mình là một đệ tử Phật thuần thành. Người đệ tử Phật xuất gia hay tại gia, đều phải học lấy cái phương châm cốt lõi ấy.

Liễu Liễu Đường, ngày 9/11/2011

(14-10-Tân Mão)

Đối tượng tham thiền 32

GIỚI HỌC

Giới nói rõ là giới cấm, tức là những điều răn cấm, không được sai phạm hoặc không được làm.

Về tôn giáo nói chung, tôn giáo nào cũng đều có kinh điển, có giáo lý của tôn giáo đó. Có kinh điển, có giáo lý, cho nên phải có những “giới”, “luật” để răn cấm những gì trái với kinh điển của đạo nhà.

Đạo Phật dù không đặt mình trong khuôn khổ của một tôn giáo, vì đạo Phật không tôn trọng thờ kính thần giáo. Đạo Phật là Phật giáo, người vào đạo Phật là người bằng lòng học theo giáo lý đạo Phật, tu theo kinh điển Phật dạy, tự mình giác ngộ cho mình, tự mình giải thoát cho mình, không một thần thánh nào giúp đỡ hay ban tặng gì cho mình được. Đó là điểm riêng biệt đối với tất cả đạo khác. Người theo đạo Phật nên đặc biệt quan tâm chú ý

điểm này. Tuy nhiên về sự “răn cấm” giới luật, giáo lý kinh điển của đạo Phật cũng có những điều răn tương tự như các tôn giáo khác.

Hồi tại thế, đức Phật căn cứ trên sự sai trái của các đệ tử mà đặt ra giới cấm nhằm ngăn cấm những điều sai trái của thành phần Khất sĩ xuất gia tu học.

Sau Phật viên tịch, các đệ tử Phật kết tập giáo lý kinh học thành tạng kinh, kết tập giới học thành tạng luật. Do vậy, học giới đồng nghĩa với học luật, cho nên giới cũng gọi là giới luật. Còn môn luận học, phát triển theo tiến trình xiển dương Phật pháp của các đệ tử thượng túc sau này.

Phạm vi bài giới học này, nhằm giới thiệu “Giới học” của Phật tử tại gia mà thôi !

Khi ai đó vừa phát nguyện THỌ TAM QUY, tức là đã có phát nguyện thọ trì cấm giới trong đó rồi. Trong “quy” có “giới”, trong “giới” có “quy”. Ví dụ:

1. QUY Y PHẬT, vĩnh viễn con nguyện không theo trời, thần, quỷ vật.

2. QUY Y PHÁP, vĩnh viễn con nguyện không theo ngoại đạo, tà giáo.

3. QUY Y TĂNG, vĩnh viễn con nguyện không theo bè đảng xấu ác.

Quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng là phát nguyện thọ Tam quy. Tam quy có nghĩa quay về nương tựa Phật, Pháp, Tăng, Tam bảo. Và khi quy y Tam bảo rồi, người đệ tử Phật phát nguyện giữ ba điều “răn” theo sau đó. Răn: kể từ đây con nguyện:

- Không chạy theo thiên thần, thánh thần, quỷ thần và vật thần.

- Không nghe theo kinh sách huyễn hoặc, hoang đường, mê tín, dị đoan của tà giáo, ngoại đạo.

- Không gia nhập phe đảng tội ác, bất nghĩa, bất nhâ...

Ba điều răn trên được xem như ba lời phát nguyện, nguyện thọ giới, trì giới ngay trong dịp lễ QUY Y TAM BẢO rồi !

Liễu Liễu Đường, ngày 13/11/2011

(18-10-Tân Mão)

Đối tượng tham thiền 33

HỌC PHẬT CẦN SÁNG SUỐT TIẾP THU CHÁNH PHÁP NÊN BẮT CHƯỚC NHƯ THIÊN NGA, NGỔNG, VỊT KIẾM MÔI

Ngổng, vịt vì được người ta nuôi cho nên gọi là gia cầm. Ngổng sống trong hoang dã tự do bay đến, bay đi, tự do bơi lội khắp đầm, bạt, lung, hồ. Người ta gọi thứ ngổng hoang dã này là thiên nga. Thiên nga hay gia cầm đều có một đặc tánh mà người thường nhìn không khỏi lấy làm lạ. Khi kiếm môi, chúng thường rút rĩa ven bờ sông, hồ, ao, lạch, cũng có lúc rút rĩa ở bùn lầy, nước đục, ở mé ruộng trền hoang để tìm kiếm thức ăn. Vậy mà tất cả những gì không phải là môi, không là thức ăn thì không vào được miệng bụng chúng. Bao nhiêu bã, xác, rác rến, rong rêu tạp chất, dường như có sức mầu nhiệm tự động đào thải một cách tự nhiên.

Đạo Phật của chúng ta có mặt trên hành tinh này đến nay đã hơn hai mươi lăm thế kỷ, sự truyền bá trải qua nhiều văn tự ngữ ngôn, tiếp thu thọ nhận cũng trải qua nhiều thành phần chủng tộc. Cho nên, những người đệ tử Phật, học Phật ngày nay tiếp nhận sự truyền thừa của không biết bao nhiêu người và không biết bao nhiêu nguồn tư tưởng của những bậc “tiền bối” trong dĩ vãng xa xưa...

Tôi xin nhấn nhủ với những thiện hữu tri thức đồng nghiệp của tôi, cũng xin nhắc nhở với thành phần Tăng Ni trẻ và hàng Phật tử gần xa rằng: Đạo Phật và giáo lý của đạo Phật là nguồn tài nguyên vô giá của nhân loại. Giáo lý của đạo Phật bảo đảm đem lại sự an lạc và hạnh phúc cho loài người. nhưng chúng ta phải khéo léo, khôn ngoan mà tiếp nhận giáo lý. Chúng ta học và bắt chước cách kiếm mồi và rút rĩa để kiếm thức ăn như thiên nga, ngỗng, vịt...

Tôi có thể nói thẳng với các bạn đồng nghiệp, với những người đồng đạo của tôi rằng: Kinh điển hiện có, nghi thức tụng niệm, cách thức tu hành của Phật giáo Việt Nam ta hiện nay còn lẫn lộn quá nhiều tạp chất. Chúng ta mệnh danh là người hướng dẫn tinh thần cho Tăng Ni, Phật tử hậu lai, phải đặt trách nhiệm cho mình hướng dẫn cho Phật tử hậu lai biết rõ: Gì là chánh pháp, gì là không phải chánh pháp. Tu tập thế nào đúng chánh pháp, thế nào không đúng chánh pháp. Chúng ta, bổn phận của chúng ta, hãy đào tạo giáo dưỡng cho Tăng Ni trẻ, cho hàng Phật tử tại gia trở thành như những con thiên nga... ấy !

Ngày 14/11/2011 (19-10-Tân Mão)

Đối tượng tham thiền 34

MÊ PHẬT A DI ĐÀ VÀ MÊ TÍN KHOẢNG CÁCH CHỈ MỘT SỢI TÓC ĐƯỜNG TƠ !

Đản thể nhất chân, hiện tượng bất nhị, tục đế không ngoài chân đế, chân đế không rời tục đế, ví như sóng nước không thể rời nhau.

Cực lạc là Tịnh độ, Ta bà là uế độ. Cực lạc không rời Ta bà, Ta bà không ngoài Cực lạc. Ta bà, Cực lạc không thể chia xé hai nơi cũng như sóng, nước không ai có thể cách ly đôi chỗ.

Phật A Di Đà không có ở Cực lạc phía mặt trời lặn phương Tây, cũng như Phật Thích Ca không chiếm cứ khoảng đất “Niết bàn” nào ở Ta bà thế giới !

“*Tự tánh Di Đà duy tâm Tịnh độ*” như thế là chánh tín. Tin Phật A Di Đà ở cõi “Cực lạc” phía mặt trời lặn phương Tây là “Mê tín”.

Với Phật Thích Ca cũng vậy: *Tùy kỳ tâm tịnh tắc Niết bàn tịnh, dục tịnh Niết bàn tiên tịnh kỳ tâm*, làm sao tìm cho có Niết bàn của Phật Thích Ca ở phương nào?!

Tâm người thanh tịnh thì Tịnh độ Ta bà là một, Ta bà “ẩn” Tịnh độ “hiển”. Tâm con người uế trước đây ấp phiền não vô minh thì Ta bà Tịnh độ cũng là một, Ta bà “hiển” Tịnh độ “ẩn”. Tịnh độ, Ta bà thành quả tịnh uế ẩn hiển của tâm ta.

Những ai tin bằng cách thiết tha kêu gọi tên Phật rồi gởi gắm cầu xin cứu mạng nhờ Phật tiếp dẫn linh hồn lên mây... để được “vãng sanh”... rõ là một tâm hồn dễ tin đến nỗi không cần lý lẽ! Đạo Phật không dễ dàng chấp nhận đức tin “mê mờ” không chân lý, xuất xứ bởi kinh điển sai lầm và chưa gặp minh sư hướng dẫn !

Chánh tín hay mê tín khoảng cách chỉ một sợi tóc, đường tơ !...

Liễu Liễu Đường, ngày 15/11/2011
(20-10-Tân Mão)

Đối tượng tham thiền 35

**THÂN HÔN, CHÁNH HÔN, HƯƠNG
HÔN, LINH HÔN LÀ SẢN PHẨM CỦA
THÀNH PHẦN TÀ KIẾN NGOẠI ĐẠO**

Hơn mười năm xuất gia tâm sư học đạo, hành đạo, thiền quán miên mật, tinh tấn Ba la mật đánh bạt bợn lục tặc... phiền não vô minh, đức Thích Ca Mâu Ni giáp mặt kẻ thù của nhân loại là NGÃ TƯỚNG. Ngã tướng là đối tượng chấp căn bản cốt lõi then chốt và nặng nề nhất của con người. Ý niệm chấp ngã ngang bằng với mạng sống của mình và tự cho ý niệm chấp ngã là sự giữ gìn bảo vệ mạng sống của mình, và bản ngã ấy là mình.

Sau khi thành Phật với đạo quả Vô thượng Bồ đề, nhìn vũ trụ nhơn sinh vạn hữu qua Phật nhãn của mình, Như Lai Thế Tôn mỉm cười và cười với vũ trụ, với trăng sao... trời mây non nước! Rằng tất cả hiện tượng vạn pháp trong vũ trụ vô cùng vô cực đều VÔ

NGÃ. Tất cả pháp cấu tạo hình thành bởi trùng trùng vô tận nhân, vô tận duyên, tương quan nương gá hòa hợp mà hình thành từng chỉnh thể, từng hình thái cá thể hiện hữu một cách giả hợp tạm bợ mong manh. Đức Thế Tôn tự nghĩ với ý nghĩ, dường như để xác định với cái thấy biết qua nhất thiết trí, nhất thiết chủng trí của mình rằng: Tất cả pháp VÔ NGÃ! VÔ NGÃ và VÔ NGÃ !...

Chư thiện hữu tri thức đồng nghiệp của tôi ơi! Các Phật tử nam nữ gần xa đồng đạo của tôi ơi! Trong khi suy nghĩ với ý nghĩ này và tôi đang viết ra những dòng chữ ít ỏi nhỏ nhen trong bài viết này, tôi nhớ đến các bạn đồng nghiệp, nhớ đến các Tăng Ni trẻ, nhớ đến Phật tử gần xa đồng đạo, tôi nghĩ rằng: Tất cả chúng ta đồng ý và phải trân trọng đồng ý với những điều đức Bốn sư chúng ta với vai trò của người đấng đạo của bậc Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Đức Phật Bốn sư chúng ta. Tôi có ý nghĩ đó và tôi mong các bạn cũng có cùng ý nghĩ đó.

Và, nếu chúng ta cùng có ý nghĩ giống nhau, cùng có ý nghĩ nghe lời Phật học chánh pháp của Phật thì: Tất cả vạn pháp nhân duyên hoà hợp gọi là sanh, nhân duyên chia ly tan rã gọi là diệt. Sự diệt sanh, sanh diệt vô cùng mà vạn pháp không tự biết nhau, không hề có quen mặt để gặp lại !...

Căn cứ chân lý NHẤT THIẾT PHÁP VÔ NGÃ mà suy thì cái ý chấp ai đó chết rồi mà “Thần hồn”, “Chánh hồn”, “Hương hồn” hay “Linh hồn” còn tồn tại phưởng phất phiêu bạt đây đó hiện hữu ở trần gian, rõ ràng nguồn tư tưởng chấp thủ ấy hoàn toàn không phải của đạo Phật, nó không có trong kinh điển “khế lý” chánh thống của đạo Phật.

Vậy cho nên, đường lối hóa đạo VẤN TU TU đối với người trí, đó là chứng tích văn minh tiến bộ, vượt tầm cao từ cổ chí kim, về nghệ thuật sư phạm, nhìn riêng.

Thần hồn, chánh hồn, hương hồn hay linh hồn là sản phẩm được sản sanh từ vọng chấp, tà kiến của các hàng ngoại đạo. Nó phát xuất từ ý thức vô minh NGÃ CHẤP căn bản ban đầu...

Liễu Liễu Đường, ngày 16/11/2011
(21-10-Tân Mão)

Đối tượng tham thiền 36

KINH và KHẾ KINH

Biết Phật, hiểu Phật, tin Phật đúng cách, đúng người, đúng lý đã là khó. Biết pháp, biết nguồn gốc kinh pháp, biết học kinh pháp, biết nhận thức kinh pháp, biết chỗ chuyển giao, biết đường du nhập, biết người dịch thuật, biết kinh nào chánh giáo, kinh nào tà giáo, kinh nào lời Phật, kinh nào ngụy tạo của ngoại đạo tà sư là điều khó khăn, hết sức khó khăn không đơn giản chút nào.

Kinh điển nói chung, xã hội nhân quần cả năm châu bốn biển, dù văn tự ngữ ngôn tên gọi khác nhau nhưng dân tộc nào cũng tự có kinh sách bằng ngôn ngữ văn tự của nước mình. Á châu nói riêng, Phật giáo Việt Nam, văn hoá Việt Nam tương quan chặt chẽ với Phật giáo văn hoá Trung Quốc. Phật giáo, văn hóa Trung Quốc tương quan khá chặt chẽ với văn hóa và Phật giáo Ấn Độ. Kinh Phật đương nhiên từ Ấn Độ truyền sang và chúng ta biết kinh điển Phật giáo có mặt ở Trung Quốc sau Phật nhập diệt trên dưới mười thế kỷ, thời gian đằng

đẳng ấy, cây Phật giáo, đó ai biết nó nảy nở, sanh trưởng bao nhiêu nhánh lá chồi tược ...? Do vậy, kinh điển giáo lý Phật giáo trong thời gian dài gần ngàn năm ở Ấn Độ ai dám tự hào rằng kinh của mình tin, của mình chọn là chánh thống lời Phật nói ra, của ai là không chánh thống, của tà giáo, ngoại đạo ?...

Xin mượn ít dòng lý lịch trích ngang nhắc lại về Trung Quốc, cứ phỏng theo lịch sử thì kinh Phật từ Ấn Độ, và các sư Tăng Ấn Độ có mặt vào thời điểm niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ 10 (năm 67 TL), đời vua Minh Đế nhà Hậu Hán, rồi lịch sử theo dòng trôi từ đời Hậu Hán, Tam Quốc, Tây Tấn, Đông Tấn v.v... chảy dài đến đời nhà Minh thì kể ra đã là mười lăm thế kỷ có thừa, Phật giáo Việt nam gắn bó chặt với Phật giáo Trung Quốc và cho đến ngày nay tính ra trên dưới hai mươi lăm thế kỷ, trong những tháng năm dài hai mươi lăm thế kỷ đó, kinh điển của Phật giáo Trung Quốc cũng như kinh điển của Phật giáo Việt Nam, dựa vào đâu để căn cứ, để đảm bảo kinh điển nào là chánh thống. Rõ là tìm hiểu, phân tích, nhận thức, đánh giá thực hư chơn ngụy, việc làm đó không dễ dàng gì.

Tìm kinh của Phật giáo chánh thống tương đối, ta có thể dựa trên phương pháp nhận thức suy luận trên ba yếu tố sau đây để truy tầm và tỷ giảo:

1. Đạo sư truyền giáo phải là minh sư chân tu thực học, truyền đạt giáo lý Liễu nghĩa thuộc KHẾ KINH. Nội dung tư tưởng phải KHẾ LÝ KHẾ CƠ.

2. Giáo lý đối tượng sở tu không lệch ngoài GIỚI ĐỊNH TUỆ Tam vô lậu học.

3. Người thọ học được truyền thừa phải đủ tư cách, có khả năng tiếp thu VĂN TƯ TU Tam tuệ học.

Phải dựa vào KHẾ KINH mà học đạo, hành đạo. Dựa trên tiêu chuẩn KHẾ KINH mà truyền trao chánh pháp thì mới vượt ra và xa lánh những tư tưởng tà kiến mê tín ... những “kinh điển” nguy tạo đầu độc cho xã hội, cho con người lòng tin siêu hình, hoang đường, viển vong không có cơ hiện thực !

Phải học: GIỚI ĐỊNH TUỆ là đối tượng để tu.

Phải tiếp thu: VĂN TƯ TU để trở thành người Khất sĩ trí tuệ, người Phật tử chân chánh.

Phải hướng đến đích: GIẢI THOÁT, GIẢI THOÁT TRI KIẾN, thành quả tột đỉnh cao mà người trí mong ước !

Chỉ nên học KHẾ KINH, không phải là KHẾ KINH thì không nghe và không học !

Liễu Liễu Đường, ngày 17/11/2011
(22-10-Tân Mão)

Đối tượng tham thiền 37

PHẬT LÀ MỘT ĐẠO SƯ PHẬT KHÔNG LÀ THẦY CẦU NGUYỆN

Hoàng tử Tất Đạt Đa khi sanh ra, trước đó nước Ấn Độ đã có nhiều đạo giáo rồi, khi lớn lên đến tuổi biết học hành, biết suy tư nhận thức rồi cũng làm cái việc “nấu sủ sôi kinh”... Tất Đạt Đa, kinh sử chép vốn là người thông minh xuất chúng, lúc trưởng thành hoàng tử là người văn võ kim toàn. Thời hoàng tử Tất Đạt Đa sanh ra, đạo Bà La Môn độc thạnh, độc quyền và là giai cấp đứng đầu trong bốn giai cấp của xứ Ấn Độ thời bấy giờ. Kinh điển giáo lý của đạo Bà La Môn, hoàng tử đều đọc và học thông suốt bốn bộ kinh Vệ Đà, Ngài tận tường cách cúng tế, khẩn nguyện, cầu xin, lễ bái, phụng thờ của đạo Bà La Môn. Qua quá trình học hỏi và nhận thức, hoàng tử biết thân phận mình, đất nước mình, giai cấp mình ở trong môi trường hoàn cảnh hiện nay, không nói, không làm gì khác hơn được, đành ôm lòng khắc khoải ưu tư không có lúc nào bằng lòng thỏa thích.

Sau khi thành Phật, Ngài trở thành một Đạo sư và làm nhiệm vụ cứu đời với vai trò “Vô thượng Y vương”, đức Phật chỉ làm một việc “hóa đạo chúng sanh” bằng cách giảng dạy, chỉ bảo, nhắc nhở từng câu, từng ý, từng lời nhằm hướng dẫn những người hữu duyên tiến lên con đường giác ngộ giải thoát. Những lời của Phật giảng dạy cho nhiều người nghe, người ta gọi đó là pháp, mà đức Phật là người thuyết pháp. Những pháp Phật thuyết được ghi lại thành văn tự gọi đó là kinh, kinh chánh thống Phật thuyết gọi là KHẾ KINH. Do vậy, người đệ tử Phật muốn học đạo, hành đạo, đạt đạo và chứng đạo phải nương KHẾ KINH mà tu học. Không nên lấy kinh làm nghi thức tụng niệm để cầu phước hay giải trừ tai ách ...

Một đời giáo hóa, làm nhiệm vụ Đạo sư của đức Phật, Phật không hề có tụng kinh dù thời đó nước Ấn Độ đã có rất nhiều đạo, nhiều kinh.

Từ khi đắc đạo cho đến lúc nhập diệt, thời gian trên dưới 50 năm ấy đức Phật không hề tổ chức tạo lập đàn tràng tế tự để: thỉnh mời, cúng bái, khấn nguyện, van xin với bất cứ thành phần siêu nhân, siêu nhiên nào để nhờ sự giúp đỡ phò trì. Nói rõ ra Phật là một đạo sư tế độ chúng sanh bằng giáo hóa, Phật không là một thầy cúng, Phật không hề cầu

nguyện, khẩn khứa tha nhân để hy vọng được sự giúp đỡ cho mình, Phật cũng không thay mặt cho gia nhân thí chủ để cầu nguyện ban ơn giáng phước cho ai.

Thưa chư thiện hữu tri thức huynh đệ tử muội đồng hành đồng nghiệp của tôi! Những Phật tử dân gian họ xem trọng hàng ngũ chúng ta như “trưởng tử” của đức Phật. Đức Phật từng ví chúng ta là con ông trưởng giả giàu có nhất đời! Chúng ta đâu phải thành phần cùng đinh tôi tớ ... làm thuê lấy tiền công nhật với công việc hốt phân cho chính cha mình ?

Đức Phật Bổn sư của chúng ta không hề đi quyên tài để xây cất chùa nhiều, chùa to, chùa lớn đẹp sang kiên cố ... Vậy mà nay thế kỷ XXI, đạo Phật vẫn tồn tại trong lòng bá tánh năm châu bốn biển ... Phật không dạy gì ngoài GIỚI ĐỊNH TUỆ, cũng không dùng thủ thuật bày trò chước quỷ mưu ma nào khác ngoài VĂN TỬ TU Tam tuệ !

Tôi thành tâm mong ước tất cả chúng mình đồng quay về quê hương cũ, mà những giờ phút lầm lạc si mê đã bỏ cha, bỏ nhà ra đi biệt lập ... tự bấy lâu rồi ...!

Chúng ta hãy trở về! Trở về! Chúng ta cùng trở về, các bạn nhỉ ...?

Liễu Liễu Đường, ngày 17/11/2011
(22-10-Tân Mão)



Đối tượng tham thiền 38

ĐẠO PHẬT CHÁNH THỐNG KHÔNG CÓ MẶT GIÁO

Như chúng ta đều biết Phật vốn là một hoàng tử xuất gia tu học mà thành, quả của Phật chứng là hoa trái của quá trình bồi dưỡng trí tuệ đạt đến đỉnh tột cao. Sau khi thành Phật hoàn thành chí nguyện tự lợi tự giác của mình, đức Phật bắt đầu thực hiện chí nguyện tự giác giác tha và cuối cùng đức Phật hoàn thành hai chí nguyện ấy: Giác hạnh viên mãn.

Trên dưới năm mươi năm đức Phật truyền đạt hướng dẫn cho mọi người, hy vọng mọi người cũng thành tựu được đạo quả tự lợi lợi tha, tự giác giác tha như mình, những năm tháng dài ấy người ta gọi là đức Phật truyền bá chánh pháp.

Truyền bá chánh pháp Phật chỉ nói những điều, những cách, những việc, những phương pháp mà ai nghe cũng hiểu được, cũng làm được. Những gì

người ta nghe không được, không hiểu vượt ngoài khả năng làm, khả năng thực hiện của con người, những điều ấy không có trong đạo Phật. Truy nguyên nguồn gốc, những ngữ ngôn văn tự gọi là thần chú của Mật giáo hay Mật tôn là những thứ ngữ ngôn văn tự con người không nghe được, không hiểu được, không ứng dụng thực hành được gì, mà còn biểu hiện ra hành động có tính cách siêu hình, miệng tụng chú lâm râm như hiệu triệu thần linh,... tay thì múa may ấn quyết như sai khiến quỷ ma, kêu gọi âm binh gì gì đó, đạo Phật chánh thống không chấp nhận những lối gọi là tu hành như vậy. Đạo Phật chánh thống không có kiểu tu hành vượt ngoài sự hiểu biết mà con người có thể nghe, có thể hiểu và có thể chuyển hóa ...

Căn cứ theo sự truyền thừa lịch sử, truy nguyên nguồn gốc Mật giáo từ Ấn Độ du nhập Trung Quốc, dịch thuật và truyền bá Mật tôn do nhóm Khai nguyên Tam đại sĩ, được người Trung Quốc tôn xưng: Thiện Vô Úy, Kim Cang Trí, Bất Không vào thế kỷ thứ VIII đời vua Đường Huyền Tông niên hiệu khai nguyên thứ bảy (năm 719 TL), sau Phật những đến mười ba thế kỷ. Tôn này chuyên cầu đảo mưa gió và nguyện cầu quốc thái dân an .v.v... Sự cầu đảo và cầu nguyện này không lừa bịp được sự thật. Vua

Đường Huyền Tông và Khai nguyên Tam đại sĩ bị An Lộc Sơn tạo phản đánh đuổi chạy tới bờ, mà không cầu nguyện cho mình và cho chế độ được bình an ...

Tôi mong những thiện hữu tri thức đồng nghiệp của tôi, những Tăng Ni trẻ có trình độ nhận thức hiểu biết nên tìm hiểu và rà soát lại kinh điển trong nội bộ Phật giáo của chúng ta, kinh điển của Phật giáo truyền bá dạy dỗ cho con người đều phải khế lý, lời dạy ở bất cứ “kinh” nào mà không phù hợp chân lý, không khế lý, chúng ta loại bỏ nó ra như con thiên nga kiếm mỗi loại bỏ đất, sạn, sỏi, đá, rác rến, bã mục ... Tôi xin nhắc lại, kinh điển đức Phật chúng ta dạy phải là khế lý và hạ thấp hơn một chút cho những người tiểu cơ thì cũng phải là khế cơ. Những thứ gọi là kinh trong đó rao giảng truyền trao những ngữ ngôn, những tư tưởng, những hành động phản lại những gì cụ thể, thực tiễn ở trần gian đều không phải là kinh điển của đạo Phật.

Tôi có thể xác định thẳng thắn rằng đạo Phật chánh thống không có Mật giáo hay Mật tông, tôi nói như thế không có nghĩa là tôi chống báng kỳ thị Mật giáo, Mật tông miễn là đừng nói rằng những kinh những chú của Mật tông là Phật dạy. Tự do tín ngưỡng là việc của mọi con người trong xã hội,

không ai có quyền ngăn cản, cấm đoán hay phê phán, chỉ xin đừng gán ghép những điều Phật không nói mà bảo là của Phật.

Những kinh điển của Phật giáo, những nghi thức tụng niệm trong chùa, có những bộ kinh trà trộn vừa kinh vừa chú, đó là sự hòa hợp đoàn kết bất đắc dĩ của nhiều tông phái mà ra, do hoàn cảnh xã hội của mọi thời đại ...

Cái từ “Tam giáo đồng nguyên” cách đây trên dưới ngàn năm, vì quyền lợi chung phải nhường nhịn “chia ghế nhau”. Cho nên, có lúc Phật giáo cũng cam tâm hòa hợp đoàn kết một cách bất đắc dĩ đã xảy ra. Cái gì đã xảy ra đều có thể đang xảy ra và rồi cũng sẽ xảy ra như vậy ...

Liễu Liễu Đường, ngày 24/11/2011
(29-10-Tân Mão)

Đối tượng tham thiền 39

NHÌN LẠI QUÁ KHỨ ĐỂ ĐỊNH HƯỚNG CHO NHỮNG BƯỚC TIẾN TƯƠNG LAI

Đọc lại lịch sử Phật giáo Trung Quốc, loại bỏ những giả thuyết lãng nhãng như: Thuyết Tây Phương Thánh giả của Khổng Tử, thuyết Lễ bái hình người vàng, thuyết Thích Lợi Phòng đem Phật giáo truyền vào Trung Quốc bị Tần Thủy Hoàng cho việc đó là quái gỡ liền bắt bỏ ngục cả thầy 18 người... Ta có thể lấy mốc thời gian niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ 10 đời vua Minh Đế nhà Hậu Hán (67 TL), tức là vào thế kỷ thứ nhất Phật giáo đã được truyền sang Trung Quốc.

Từ thế kỷ thứ nhất vào đời Hậu Hán Minh Đế cho đến Phật giáo đời nhà Tống, thế kỷ thứ X-XI-XII đã trải qua những tháng năm dài:

- Phật giáo đời Hậu Hán 195 năm.
- Phật giáo thời đại nhà Tấn 139 năm.

- Phật giáo thời đại Nam Bắc triều 168 năm.
- Phật giáo đời nhà Tùy 29 năm.
- Phật giáo đời nhà Đường 289 năm.
- Phật giáo thời Ngũ Đại 53 năm.
- Phật giáo đời nhà Tống 319 năm.
- Tổng cộng là 1304 năm.

1304 năm đó nói lên sự có mặt của Phật giáo tại Trung Quốc, những tháng năm dài ấy hàng Tăng lữ đệ tử Phật làm cái việc truyền bá chánh pháp “lợi lạc quần sanh”, nghe ra ai là người đệ tử Phật đều sanh tâm tôn trọng và vô cùng hoan hỷ cho đại chí đại nguyện của những bậc Đại Tăng tiền bối...!

Tuy nhiên, trong cái tốt nào cũng có cái xấu, trong cái tịnh nào cũng có cái uế, hễ có thành công ắt có thất bại, có lúc lên cao tất có khi sa xuống thấp...! Thời gian dài ấy đã có bao nhiêu những cao Tăng thực học thực tu từ Ấn Độ sang Trung Quốc dịch kinh truyền đạo hướng dẫn phương pháp tu hành cho nhiều người được lợi ích, điều đó có thật. Ngược lại, cũng có những Tăng sĩ, Đạo sĩ cũng truyền bá đạo Phật, cũng dịch kinh rồi cũng trước tác... làm cho chánh tà lẫn lộn, thiệt giả khó phân. Do vậy, Phật giáo Trung Quốc đã có lúc lên cao, có

thời vàng son rực rỡ! Nhưng rồi chân lý của cuộc đời không ai có thể vượt qua, cho nên Phật giáo Trung Quốc đúc kết lại trong khoảng thời gian 509 năm (446 – 955 TL) Phật giáo Trung Quốc 4 lần bị PHẾ. Các sử gia gọi đó là những lần PHẾ PHẬT: TAM VỖ NHẤT TÔN CHI ÁCH.

- Lần 1. Thái Võ Đế Bắc Ngụy – Giữa niên hiệu Thái Bình Chân Quân năm thứ 7 (446)
- Lần 2. Võ Đế Bắc Chu – Năm Kiến Đức thứ 3 (574)
- Lần 3. Võ Tôn đời Đường – Năm Hội Xương thứ 2 mạt Đường (842)
- Lần 4. Thế Tôn Hậu Chu (Thế Tôn Mại Anh)– Năm Hiển Đức thứ 2 (955)

PHẾ PHẬT là một ngôn từ biểu lộ nói lên sự căm hờn oán trách của những Sư Tăng ít học không hiểu gì về Phật. Sử dụng ngôn từ ấy nhằm đổ trút sự oán hận của mình đối với các nhà vua mất niềm tin Phật. Người đệ tử Phật, hiểu Phật, hiểu chân lý đức Phật dạy, người ta biết rõ rằng PHẬT không ai có thể “phế”, không ai làm gì Phật được; bởi vì Phật ở trong tâm, trong não, trong giác trí của mọi người. Sử chép Thái Võ Đế thời Bắc Ngụy (446 TL) phế hủy nhiều chùa, nhiều tượng, nhiều tháp trong cả

nước, bắt buộc Tăng Ni hoàn tục, có người trốn lánh vào núi rừng ẩn dật tu hành. Điều đó có thật nhưng vua Thái Võ Đế không thể PHẾ PHẬT! Võ Đế thời Bắc Chu (574 TL) phá bỏ chùa miếu, thiêu hủy tượng Phật, đập đổ di tích, tịch thu tài sản, bắt buộc ba triệu Tăng Ni hoàn tục... Võ Đế Bắc Chu đã làm việc đó nhưng cũng không phải PHẾ ĐƯỢC PHẬT! Vua Võ Tôn đời Đường (842 TL) phế hủy 44.600 ngôi chùa trong cả nước, 260.500 Tăng Ni bắt buộc phải hoàn tục. Điều đó vua Võ Tôn đã làm nhưng cũng không được gọi là PHẾ PHẬT! Thế Tôn đời Hậu Chu (955 TL) phế bỏ 3.356 ngôi chùa, tất cả tượng Phật và pháp khí thuộc kim loại của chùa tịch thu để đúc ra tiền và tịch thu tất cả tài sản sở hữu của chùa chiền trong cả nước. Điều đó, vua Thế Tôn đã làm nhưng chẳng phải vì vậy mà PHẾ ĐƯỢC PHẬT!

Nếu là người trí, vận dụng Tuệ nhãn, Phật nhãn quan sát cuộc đời thì người ta có thể trách chê rằng những nhà vua “làm cái việc phế Phật” ấy là những người không có đạo đức, không có lương tâm lương tri... Rồi người trí cũng vận dụng Tuệ nhãn và Phật nhãn soi rọi lại việc làm của những bậc Đại đức Cao tăng tự đặt mình là người truyền bá chánh pháp, tiếp dẫn hậu lai, báo Phật ân đức... có hoàn

thành sứ mệnh trọng trách của người đệ tử Phật chân chính hay không?

Trong khoảng 509 năm, bốn lần bị “phế Phật”, bốn lần bị đập phá chùa chiền tháp tượng, bị tịch thu tài sản, Tăng Ni bị bắt hoàn tục; vậy mà đến nay đất nước Trung Quốc, Phật giáo Trung Quốc vẫn còn tượng Phật tro gan trên vách núi ẩn hiển ở các động đền... và chùa chiền vẫn có cơ phát triển, vẫn đồ sộ nguy nga... Điều đó chứng minh rõ rằng: những bậc Đại đức Thượng tọa, tiền bối Cao tăng rất ái mộ kính quý tôn trọng chùa chiền, Phật tượng, tháp mộ và tài sản đến độ nào. Nếu họ không phải là hàng Khất sĩ “anh hùng bất khuất trung hậu đảm đang” thì chẳng ai dại gì làm cái việc thua keo này gây keo khác như vậy !!!

Liều Liễu Đường, ngày 18/12/2011
(24-11-Tân Mão)

Đối tượng tham thiền 40

TIẾP NHẬN THỰC TẾ TRONG HIỆN TẠI SUY NGHIỆM NGUYÊN NHÂN THÀNH BẠI ĐẮC THẤT NHỮNG SỰ VIỆC ĐÃ QUA

Cho tới bây giờ, tôi có thể nói thật nói thẳng với những thiện hữu tri thức của tôi, với Tăng Ni trẻ, với Phật tử gần xa có duyên đọc bài “những chiếc lá trong tay” tôi viết trong quyển sách nhỏ này, tôi chân thành dâng hết thiện tâm thiện ý của mình để thưa lên các bậc tiền bối, các hàng thiện hữu tri thức, các Tăng Ni trẻ và Phật tử gần xa rằng: Phật giáo Việt Nam ta lệ thuộc hoàn toàn vào Phật giáo Trung Hoa và gần như tuyệt đối tin tưởng vào những nhà dịch kinh, những nhà viết sách, những nhà truyền bá pháp môn tu. Bất cứ kinh điển nào do những bậc tiền bối Trung Hoa viết ra, nói ra, bày ra Phật giáo Việt Nam ta đều tôn trọng tuân hành coi đó là “khuôn vàng thước ngọc”. Từ trước tới nay dường

như Phật giáo Việt Nam ta không có một ai phê phán bình luận đúng sai về những kinh điển trong ĐẠİ TẶNG của Phật giáo Trung Hoa để lại. Tôi có thể nói thẳng với các vị rằng: ĐẠİ TẶNG KINH của Phật giáo Trung Hoa có những kinh điển phù hợp lời Phật ý kinh, và có những thứ cũng gọi là kinh điển Phật giáo mà hoàn toàn trái ngược với ý kinh lời Phật, thậm chí có những thứ gọi là kinh, là chú mà đạo Phật chánh thống hoàn toàn không thể chấp nhận. Nói lên điều này tôi đã lường biết trước sự phản ứng bất bình bất mãn của nhiều người. Dù biết vậy nhưng tôi không nỡ không nói, nói để thông tin, để báo động cho Tăng Ni trẻ, cho những Phật tử hậu lai tránh sự tu mù luyện quáng khổ công mà vô ích.

Những điều tôi nói ra đây các vị có thể giạt mình, có người không đủ can đảm để đọc thêm và nghe tiếp, tuy nhiên đây là một sự thật tôi mong các vị bình tâm sử dụng văn tư tu để xem, nghe và đọc. Thí dụ:

Trong đối tượng tham thiền 38 của tập sách nhỏ này tôi viết ĐẠO PHẬT CHÁNH THỐNG KHÔNG CỐ MẬT GIÁO, bởi vì Mật giáo và phương pháp tu hành này không dựa vào đường hướng Văn Tư Tu của đạo Phật ...

- “Mục Liên nhập địa ngục cố sự”, đề sách và ý nghĩa của đề mục này phát xuất từ những người đốt nát trong đạo Phật viết ra, không thể liệt vào kinh trong Tam tạng kinh điển được. Đây là tư tưởng của thành phần thường kiến, là sản phẩm của bộ óc tưởng tượng hoang đường, đạo Phật chánh thống không thể chấp nhận loại tư tưởng này...

- “Mục Liên cứu mẫu thân biến văn”, cũng thuộc loại tin tưởng hoang đường của một tác giả nào đó... không thể thu nạp vào Đại tạng kinh của Phật giáo, vậy mà đã có trong Đại tạng của Phật giáo Trung Hoa

- “Phụ mẫu ân trọng kinh điển văn”, cũng được người ta gọi là kinh, cũng được truyền tụng lâu đời theo cách tin tưởng “xưa bày nay làm”. Nếu người trí vận dụng Văn Tư Tu thì những thứ gọi là kinh điển ấy chỉ là một thứ bánh vẽ dành cho những tâm hồn non nớt yếu đuối và ái mộ bánh vẽ mà thôi !...

- Thuyết xưng danh Phật A Di Đà chờ đến lúc lâm chung được Phật A Di Đà tiếp dẫn vãng sanh về Cực lạc ở Tây phương. Thứ giáo lý đó không thực

tế, không phù hợp với lời Phật ý kinh. Thứ giáo lý đó dẫn dắt con người đi vào con đường hoang tưởng, Phật Thích Ca không bao giờ giảng dạy thứ giáo lý, thứ kinh điển chỉ có trong tưởng tượng hoang đường như vậy...

Còn nhiều, và rất nhiều thứ kinh điển vô tình dẫn dắt cho những người tín đồ Phật tử tu tập sai lạc sa rớt vào: THÂN KIẾN, BIÊN KIẾN, TÀ KIẾN, KIẾN THỦ KIẾN và GIỚI CẤM THỦ KIẾN..., ở đây chỉ lược nêu một ít mà thôi. Những thứ sai lầm về “Kiến hoặc” mà không ra khỏi thì con đường Bát chánh làm sao có cơ hội bước vào !

Các thiện hữu tri thức thân mến của tôi, các Tăng Ni trẻ thân mến của tôi, tôi xin thưa với các bạn rằng: Cái chương trình giáo dục đào tạo Phật học của chúng ta có người đã học, bao nhiêu người đang học và còn không biết bao nhiêu người sẽ học, chương trình đó lẽ ra hàng ngũ Phật giáo của chúng ta phải để tâm chấn chỉnh hiệu đính tuyển chọn để loại bỏ ra những thứ gọi là kinh điển, giáo lý đã bị nhiễm chất độc thời gian, đã mất hết tánh trong sạch nhẹ nhàng thanh thoát của đạo giải thoát giác ngộ của đức Phật chúng ta.

Các thiện hữu của tôi! Các Tăng Ni trẻ nên nhớ: Đức Phật của chúng ta là một con người, rõ ràng là một con người bằng xương bằng thịt có lịch sử trên cõi đời ít có ai không biết, những gì đức Phật dạy trong kinh điển Phật, phải là những điều con người nghe được thấy được biết được hiểu được và nếu thực hành thì ai cũng thực hành được. Thí dụ: đức Phật Thích Ca sau những tháng năm học đạo hành đạo chứng đạo, đức Phật có giác ngộ và giải thoát, những kinh điển Phật dạy cho con người hễ ai bằng lòng học đạo hành đạo tu đạo rồi cũng được chứng đạo giác ngộ và giải thoát ngang bằng với cái địa vị giác ngộ giải thoát mà đức Phật đã được.

- Nói về pháp môn Tịnh độ, đức Phật dạy cho các hàng đệ tử rằng: Mọi người phải tu tập và xây dựng cho mình một cõi Tịnh độ trên mặt đất này tại chỗ ở của mình, như mọi người đệ tử Phật, như Phật Thích Ca đã từng xây dựng Bồ đề Niết bàn cho mình ở cõi đời này vậy. TÙY KỲ TÂM TỊNH TẮC PHẬT ĐỘ TỊNH, DỤC TỊNH PHẬT ĐỘ TIÊN TỊNH KỲ TÂM, có nghĩa là trao đổi tu sửa cho tâm của mình tịnh thì mình đã sống trong cõi thanh tịnh, cõi Tịnh độ rồi; muốn có cõi Tịnh độ hay Cực lạc thì trước hết tâm mình phải thanh tịnh và an lạc. Do

vậy, người đệ tử Phật nên hiểu kỹ và xác định rằng CẢNH CỰC LẠC là tên khác của CÔI NIẾT BÀN, Niết bàn tức là Cực lạc, Cực lạc tức là Niết bàn, ngoài Niết bàn không tìm đâu ra Cực lạc, ngoài Cực lạc chẳng có Niết bàn ở thế giới xa xôi nào khác!...

Thưa các thiện hữu thân mến, thưa hàng Tăng Ni trẻ thân mến, tôi hy vọng Phật giáo Việt Nam ta làm thế nào tạo cho mình một đạo tràng đoàn kết với tinh thần phục vụ chánh pháp cao độ; chúng ta cùng nhau ngồi lại bàn bạc “hội thảo” một cách chân tình, cùng nhau rà soát, kiểm điểm, phân tích những kinh điển có ẩn tàng những giáo lý bất hợp lý mà từ trước tới nay chưa có cơ hội để đặt ra. Tôi muốn nói với các bạn rằng: Chương trình đào tạo giáo dục của Giáo hội Phật giáo ta, hàng cao tăng thạc đức kể cả những vị đang trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo trong ngành giáo dục đào tạo của Phật giáo, chưa có cơ hội đầu tư công sức và trí tuệ, cho nên chương trình giáo dục đào tạo còn nhiều lỏng lẻo và mất hết chất hướng thượng trên đường giải thoát giác ngộ.

Ngành xã hội, ngành kinh tế... người ta đã sáng tạo những “sân chơi” để trao đổi, để học hỏi kinh nghiệm cùng nhau, để tiến bộ cho ngành mình,

thiết tưởng Phật giáo chúng ta cũng nên tạo sân chơi để cùng nhau trao đổi nhắc nhở, để bồi dưỡng trí tuệ cho nhau tiến lên tầm cao mới, có được không?...

Liều Liều Đường, ngày 22/12/2011
(28-11-Tân Mão)



Đối tượng tham thiền 41

LẠC LỐI BỒ ĐỀ

Như chúng ta biết đạo Phật truyền sang Trung Quốc vào thế kỷ thứ nhất đời Hậu Hán niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ 10, tính ra sát soát 550 năm sau ngày Phật nhập diệt và chúng ta cũng nhớ rằng sát soát 50 năm truyền rao đạo giải thoát giác ngộ rày đó mai đây, nhưng Phật không hề viết ra để lại một chữ nào. Tất cả những kinh điển Phật đều được đệ tử Phật nhớ ghi, rồi sau đó các đệ tử tổ chức đọc tụng và ghi chép lại thành kinh mà thuật ngữ đạo Phật gọi đó là những lần kiết tập. Những lần kiết tập lời Phật qua lối tổ chức đọc tụng ghi chép như vậy mà không lệch lạc ý tứ không chệch hướng giải thoát giác ngộ của đạo Phật đã là khó vô cùng rồi. Vậy mà cách Phật ngót 550 năm người ta mới đem kinh điển Phật giáo truyền sang Trung Quốc, thử hỏi việc làm đó ai bảo đảm và lấy gì bảo đảm rằng đó

là giáo lý thuần túy chánh thống từ kim khẩu Phật nói ra? LẠC LỐI BỒ ĐỀ, viết bài này tôi dụng ý nhắc nhở mình, nhắc nhở các bạn đồng hạnh nghiệp của tôi, nhắc nhở cho Tăng Ni trẻ và hàng Phật tử đã gieo trồng hạt giống Bồ đề rằng: Chúng ta nên cảnh giác và sử dụng lý trí khi nghe chánh pháp, học chánh pháp, để tìm hiểu và nhận thức chánh pháp; Tôi đã viết và giới thiệu với các bạn về cách kiếm mồi, kiếm thực phẩm của con thiên nga, bởi vì những kinh điển mà chúng ta thọ trì đọc tụng trong những khóa lễ hằng ngày ở các chùa của đạo Phật chúng ta lẫn lộn và trà trộn rất nhiều về những tư tưởng của thần giáo, của ma giáo, căn cứ giáo nghĩa nguyên thủy của Phật giáo chánh thống thì không thể chấp nhận được. Thí dụ, kinh điển của tiền bối Phật Đồ Trưng truyền sang Trung Quốc vào thế kỷ thứ IV năm 310 TL, tiền bối Đàm Vô Sấm cũng người nước Ấn Độ truyền sang Trung Quốc vào thế kỷ thứ V năm 412 TL, nhóm Thiện Vô Úy – Kim Cang Trí - Bất Không, đó là những người hành đạo và truyền đạo bằng cách siêu hình, hoang tưởng, cầu đảo và đối gạt tự cho mình có thần thông diệu dụng... Những người có chủng tử thờ cúng tôn trọng đa thần đều có đức tin siêu hình huyền hoặc ấy, những thứ giáo lý kêu thần gọi quỷ, hú gió cầu mưa

như vậy, người ta gọi đó là Mật giáo. Mật giáo có nghĩa là thứ giáo lý, thứ kinh điển kín nhiệm mà con người không thể hiểu được! Sự thật trong đạo Phật bất cứ những thứ kinh điển có tính cách siêu hình huyền hoặc con người không thể hiểu được thì không được liệt vào kinh điển của Phật giáo, bởi vì đạo Phật vì con người và những lời dạy của Phật để dạy cho con người! Các thiện hữu tri thức thân mến, cùng Tăng Ni trẻ và Phật tử thân mến, tôi muốn đề nghị với các bạn chúng ta hãy bồi dưỡng, hãy nhắc nhở và xây dựng sao cho hàng ngũ Tăng Ni đệ tử Phật chúng ta có một nhận thức khách quan dám nhìn sự thật, dám cắt nghĩa như sự thật và dám nhận thức bằng cái biết khách quan của mình. Các bạn hãy nhìn thẳng vào nghi thức, vào thời khóa tụng niệm mà hàng ngũ Tăng Ni thọ trì đọc tụng mỗi ngày. Trong những nghi thức ấy, thời khóa ấy, những kinh và chú... những bài tụng và sám... tuyệt đại đa số ý nghĩa trong kinh sám ấy đều là những bài đọc tụng cầu khẩn van xin, biểu lộ qua lý thuyết được chở đưng trong những ngôn từ “bánh vẽ” chẳng có chút thực tế nào. Thí dụ như những đoạn trong sám nguyện:

“...Sở nguyện năng như chứng bạc, thiện hữu đề huề, xuất phiền não chi thâm uyên, đáo Bồ đề chi

bỉ ngạn. Thử thế phước cơ mạng vị, các nguyện xươg long, lai sanh trí chươg linh miêu, đòg hi tãg tú, sanh phùng trung quốç, trườg ngộ minh sư, chãnh tín xuất gia, đòg chơn nhậç đạo, lục căn thồg lợi, tam nghiệç thuầ hòa...” hoặç bài Văn phát nguyện hướg Tam Bảo

“Ngã sinh bất thiện chư phiền não, nguyện vĩnh tiêu trừ tội chươg nhân, vị ngộ mê tà thậç ác triền, nguyện bất giữ tâm tươg tục khởi, dục giới sắç giới vô sắç giới, tảo đọa triền miền hữu lậu nhân, nhiễm nhân nhiễm quả nhiễm trần duyên, nguyện hướg sinh sinh bất tươg tục...” hoặç bài Sám hồi vãn

“... Ngã đệ tử, cập pháp giới chúng sanh, tùng vô thử thế lai.....lục căn tam nghiệç, tịnh vô hà luy, sở tu thiện căn, tất diệt thanh tịnh, giai tất hồi hướg, trang nghiêm Tịnh độ, phổ dĩ chúng sanh, đòg sanh an đưỡg. Nguyện A Di Đà Phật, thường lai hộ trì, linh ngã thiện căn, hiện tiền tãg tiến, bất thất tịnh nhơn, lâm mạng chung thời, thân tâm chãnh niệç, thị thĩnh phân minh, diện phụng Di Đà, dĩ chư Thãnh chúng, thủ chấp hoa đài, tiếp dẫn ư ngã, nhất sát na khoảnh, sanh tại Phật tiền, cụ Bồ tát đạo, quãng độ chúng sanh, đòg thành chũg trí” ... hoặç nhũng đọaç hồi hướg:

*“Phúng kinh công đức thù thắng hạnh
 Vô biên thắng phước giai hồi hương
 Phổ nguyện pháp giới chư chúng sanh
 Tốc vãng vô lượng quang Phật sát”*

*“Nguyện tiêu tam chướng trừ phiền não
 Nguyện đắc trí huệ chơn minh liễu
 Phổ nguyện tội chướng tất tiêu trừ
 Thế thế thường hành Bồ tát đạo”*

*“Nguyện sanh Tây phương Tịnh độ trung
 Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu
 Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh
 Bất thối Bồ tát vi bạn hữu”*

*“Nguyện dĩ thử công đức
 Phổ cập ưu nhất thiết
 Ngã đẳng dĩ chúng sanh
 Giai cộng thành Phật đạo”*

Chúng ta đọc tụng và nhận xét tìm hiểu ý nghĩa của những bài “sám nguyện” và những bài “hồi hương” như trên, chúng ta thấy trong đó hoàn toàn các bậc tiền bối viết ra chỉ để đọc tụng và nói lên nỗi lòng tha thiết “cầu nguyện “van xin” “khẩn khứa”..., chứ không có ý hướng dẫn chỉ bày phương cách tự tu tự độ tự giác để cho hành giả thực hành. Trong các tạng kinh gọi là Đại thừa Phật giáo mà

Phật giáo Việt Nam ta đang sử dụng học tu, nó nằm trong các tạng kinh Đại thừa Phật giáo của Trung Quốc, có thể nói danh nghĩa tuy hai mà thật sự gần như là 1, đó là điểm mà riêng tôi rất ưu tư, rất quan tâm lo lắng cho việc truyền đạo học đạo và hành đạo của tương lai Phật giáo Việt Nam chúng ta, những tạng kinh Đại thừa của Phật giáo Trung Quốc, các tiền bối từ Ấn Độ truyền sang cũng như các tiền bối Trung Quốc tiếp nhận và hợp tác dịch thuật truyền bá đã để lại nhiều kinh điển Phật phù hợp với nguồn tư tưởng của đạo giải thoát giác ngộ hun hút thăm sâu. Điều đó, là người trí không ai có thể phủ nhận, những người Phật giáo Trung Quốc cũng như những người Phật giáo Việt Nam rất biết ơn trọng ơn và tri ơn những bậc thạc đức cao tăng đã dày công vun bồi xây đắp cho những người Phật giáo Trung Quốc một nền đạo đức, một kho tàng trí tuệ vĩ đại cho những ai hữu duyên với nền văn hóa trác tuyệt đại thừa của Phật giáo Trung Quốc. Tuy nhiên, có ngọc thì có đá, có vàng thì có cát sỏi lẫn lộn, những người học đạo hành đạo tu theo đạo Phật bị lai căn, vô tình làm cho nguồn giáo lý trong sáng của đạo Phật trở thành những thứ gọi là kinh là điển nặc mùi lễ bái, tụng niệm, cầu cúng, van xin, khẩn nguyện... khiến cho tôi có cảm tưởng rằng: hàng ngũ

đệ tử Phật chúng ta nếu không vận dụng “Văn Tư Tu” thì tất cả chúng ta chỉ là những người ăn bánh vế.

Đúc kết bài viết ngắn ngủi mà gợi lên những ý tứ có thể bực cái mình, cho những người thiện hữu tri thức của tôi có một thiện tâm ngoan ngoãn chấp hành tốt những gì thuộc quá khứ tục ngữ đã đặt ra: “Uống nước nhớ nguồn” và “Xưa bầy nay làm”, miễn sao cho mình có lợi ...!

Bồ đề và Niết bàn là đỉnh cao an lành và hạnh phúc nhất của một đời người, những người đệ tử Phật chúng ta nếu không có gieo giống, không trồng sâu căn lành thì không có nhân duyên, không có cơ hội nương về với Tam bảo. Bồ đề Niết bàn là con đường thênh thang rộng lớn, là con đường mà nhân loại ai cũng có quyền đi và ai cũng có quyền đạt đến đích. Hàng ngũ Tăng Ni và Phật tử chúng ta là những người đã có cơ hội và đang đi trên con đường thênh thang an lành mát mẽ và đầy hứa hẹn. Chúng ta hãy giữ vững đạo tâm, đạo lực, đạo hạnh của mình, đừng để... lệch lối Bồ đề !

LỜI CUỐI SÁCH

Thưa chư thiện hữu tri thức !

Cùng toàn thể Tăng Ni trẻ thân mến !

Các Phật tử gần xa thân mến !

Ôn lại chuyện xưa qua lời Phật ý kinh : hồi đó, Phật và các đệ tử Tỳ kheo cùng đi khất thực về tạm trú dưới bóng cây rừng đại thụ để thọ trai. Thường bữa thọ trai xong đức Phật giảng dạy cho các đệ tử mình những điều cần biết trên đường tu học, trên lộ trình giải thoát giác ngộ hoặc ngắn hoặc dài.

Lần này, đức Phật bốc lấy một nắm lá cây khô đã rụng của rừng đại thụ ấy đưa lên trước các đệ tử mình và bảo: Này các thầy Tỳ kheo! Những giáo pháp mà Như Lai dạy cho các thầy học tu để đạt đến quả vị giác ngộ và giải thoát, là nhằm chỉ dạy cho các thầy biết rõ khổ nhân để dừng lại không làm và hướng dẫn các thầy bồi dưỡng chánh thọ, chánh tư duy khởi nguồn tự nhiên trí, vô sư trí và nhất thiết chủng trí vốn có của mình...

Thế nhưng các thầy nên biết, những điều Như Lai đã dạy cho các thầy ít ỏi như những chiếc lá trong tay của Như Lai, còn những điều Như Lai biết mà chưa nói thì nhiều như lá trong rừng cây cổ thụ...

Những lời Phật ý kinh ấy, hàng đệ tử Phật Tăng tục chúng ta hầu như đa số người đều đã được nghe biết.

NHỮNG CHIẾC LÁ TRONG TAY, tập sách nhỏ bé này tôi viết cho tự mình, tôi viết để vực dậy và đánh thức mình đã mấy mươi năm tu tập mơ hồ như sống trong trường mộng !

Các bạn ơi! Đạo Phật của chúng ta, giáo lý đạo Phật của chúng ta rõ là nguồn chân lý, là pháp “vô thượng thậm thâm vi diệu”. Nguồn giáo lý ấy theo dòng chảy của thời gian nổi trôi lăn lóc trên biển đời tính đến nay 25 thế kỷ có hơn. Với dòng chảy thời gian dài ấy, với biển đời không gian vô hạn ấy, với không biết bao nhiêu căn cơ trình độ tri kiến tri thức và chủng tánh của loài người, ai cũng có quyền tìm hiểu nhận thức tin tưởng và bằng lòng theo sở kiến của mình. Do vậy, là người trí người ta biết chắc rằng nguồn chân lý vô thượng thậm thâm của đạo Phật không còn thuần túy nữa mà đã bị nhuộm quá nhiều màu sắc: Chính trị, thế lực của vua chúa – Tôn giáo, thế lực của tín ngưỡng tự do – Ngoại đạo tà kiến, thế lực của huyền hoặc hoang đường và tận cùng của sự bất hạnh rủi ro là nó lọt vào thế lực của kim tiền, vào tay và đầu óc của thành phần

thông minh giỏi khai thác, họ mượn đạo Phật và giáo lý đạo Phật làm hàng hóa để kinh doanh sự nghiệp... Nước chảy đá cũng phải mòn, nền giáo lý của đạo Phật chịu đựng với bao thế lực ấy, với bao phong ba bão táp nghiệt ngã của thời gian không gian ấy, đến nay hơn 25 thế kỷ nguồn giáo lý ấy bị pha loãng với bao nhiêu mùi vị sông nước của thời gian, bị trà trộn với bao nhiêu bụi bặm tạp chất của không gian, bị hoen ố nhạt nhòa sắc màu theo sự biến thiên và thay đổi nhịp nhàng của loài người qua cuộc sống. Do vậy, người đệ tử Phật ai đó vận dụng một ít tuệ nhãn để nhìn, sử dụng từng phần pháp nhãn để tư duy, người ta thấy rõ giáo lý của đạo Phật mà con người của Phật giáo sử dụng ngày nay tuyệt đại đa số lệch hướng chỉ nam: GIỚI ĐỊNH TUỆ, sai đường giải thoát: VĂN TƯ TU mà đức Phật đã một đời đĩnh ninh dạy bảo !

Những vấn đề đơn sơ mà gài gủi, những đề tài mộc mạc mà không phải ai cũng có ý thức nhận định tinh tường. Tôi mượn vấn đề đơn sơ, đề tài mộc mạc ấy viết ra với một nhiệt tình sách tấn đối với tự mình và hy vọng nó sẽ là những đóm lửa nhen nhúm lại ngọn lửa VĂN TƯ TU trong hàng đệ tử Phật chúng ta.

Học đòi và bắt chước Phật thời xa xưa ấy, bằng ngôn từ ẩn dụ tôi gọi những bài viết, những đề tài trong tập sách nhỏ này là NHỮNG CHIẾC LÁ TRONG TAY, bởi vì những bài gợi ý nhắc nhở phân tích ngấn gủi đơn sơ mà tôi đã viết ra đây vồn vẹn có mấy mươi vấn đề,

so với sự sai lầm do không tuệ giác thiếu định lực VẤN TU TU người ta đã phiên dịch, chú thích, sáng tác, ngụy tạo ra những nguồn tư tưởng, những pháp môn tu tập sai lạc đã len lỏi trà trộn trong tam tạng thánh giáo của Phật, lâu ngày mặc nhiên được người ta tưởng đó là lời dạy của đức Phật. Những sự sai lầm lệch lạc của nền giáo lý Phật, những pháp môn tu tập theo tà kiến ngoại lai trong đạo Phật hiện nay nhiều không biết bao nhiêu mà kể. Những điều tâm huyết mà tôi viết trong tập sách nhỏ này nó chỉ là NHỮNG CHIẾC LÁ TRONG TAY, còn những sai lầm mà đệ tử Phật chúng ta chưa quan tâm, chưa thấy biết nó nhiều như lá của rừng cây cổ thụ.

Những thiện hữu tri thức của tôi, những Tăng Ni trẻ thân mến, những Phật tử gần xa, chúng ta hãy quay về với GIỚI ĐỊNH TUỆ với VẤN TU TU mà đức Phật đã định ninh nhắc nhở !

Viết tại Liễu Liễu Đường

Ngày 25-04-2012

Mùng 05-04 trước-Nhâm Thìn

MỤC LỤC

Lời đầu sách	Trang 5
1. Đối tượng tham thiền 1: Đạo Phật	7
2. Đối tượng tham thiền 2: Đạo Phật là tôn giáo ?....	10
3. Đối tượng tham thiền 3: Đích đến của đạo Phật qua Thiên thừa Phật giáo.....	14
4. Đối tượng tham thiền 4: Đích đến của đạo Phật qua Thanh văn thừa Phật giáo	18
5. Đối tượng tham thiền 5: Đích đến của đạo Phật qua Duyên Giác thừa Phật giáo	21
6. Đối tượng tham thiền 6: Đích đến của đạo Phật qua Phật nhãn Đại thừa Phật giáo	24
8. Đối tượng tham thiền 8:	

Gì là hoa trái của Thiên?.....	31
9. Đối tượng tham thiền 9: Thử tìm đại ý những thiền phái BÁT VĂN TƯ TU trong đạo Phật	35
10. Đối tượng tham thiền 10: Thiên	40
11. Đối tượng tham thiền 11: Tuệ	43
12. Đối tượng tham thiền 12: Giải thoát và Giải thoát tri kiến	46
13. Đối tượng tham thiền 13: Lạc thiền là gì?	50
14. Đối tượng tham thiền 14: A Di Đà Phật ông là ai?.....	53
15. Đối tượng tham thiền 15: Tu tịnh sai?	57
16. Đối tượng tham thiền 16: Chánh tín	60
17. Đối tượng tham thiền 17: Gì là mê tín	63
18. Đối tượng tham thiền 18: Than vàng vó rắc Tro tiền giấy bay	66
19. Đối tượng tham thiền 19: Hãy chọn ... đi?	69
21. Đối tượng tham thiền 21:	

Gì là xứng tánh khởi tu?	78
22. Đối tượng tham thiền 22:	
... Sanh tử bất tương can?	81
23. Đối tượng tham thiền 23: Ngã là gì?	84
24. Đối tượng tham thiền 24: Pháp là gì?	86
25. Đối tượng tham thiền 25:	
Phải làm gì người đệ tử được thấy Phật?	88
26. Đối tượng tham thiền 26:	
Cha mẹ chưa sanh ta là ai ?	91
27. Đối tượng tham thiền 27: Ngã sở hữu là gì ?	94
28. Đối tượng tham thiền 28:	
Làm sao biết thế nào là đạo Phật thật ?	97
29. Đối tượng tham thiền 29:	
Làm sao biết thế nào là ngoại đạo ?	100
30. Đối tượng tham thiền 30: Vào đạo Phật	103
31. Đối tượng tham thiền 31: Năm lậu phước chôn	106
33. Đối tượng tham thiền 33: Học Phật càng sáng suốt tiếp thu chánh pháp nên bắt chước như thiên nga, ngỗng, vịt kiếm mồi	112

34. **Đối tượng tham thiền 34:** Mê Phật A Di Đà và mê
tín khoáng cách chỉ sợi tóc đường tơ !..... 114
35. **Đối tượng tham thiền 35:** Thần hồn, chánh hồn,
hương hồn, linh hồn là sản phẩm của thành phần tà
kiến ngoại đạo..... 116
36. **Đối tượng tham thiền 36:** Kinh và kế kinh..... 119
37. **Đối tượng tham thiền 37:** Phật là một đạo sư
Phật không là thầy cầu nguyện 122
38. **Đối tượng tham thiền 38:** Đạo Phật chánh thống
không có Mật giáo 126
39. **Đối tượng tham thiền 39:** Nhìn lại quá khứ để định
hướng cho những bước tiến tương lai 130
40. **Đối tượng tham thiền 40:** Tiếp nhận thực tế trong
hiện tại suy nghiệm nguyên nhân thành bại đắc thất
những việc đã qua 135
41. **Đối tượng tham thiền 41:** Lạc lối Bồ 142
- Lời cuối sách 149

GIÁO TRÌNH HƯỚNG DẪN TU HỌC TỪ XA

NHỮNG TÁC PHẨM

Do Hòa Thượng THÍCH TỪ THÔNG - Hiệu. NHƯ HUYỄN THIÊN SƯ

Biên soạn

ĐÃ XUẤT BẢN :

- 1) NHƯ HUYỄN THIÊN SƯ THI TẬP
Trực chỉ đề cương
- 2) NGÓN TAY CHỈ TRẮNG 1
Trực chỉ đề cương (Tái bản lần 1)
- 3) NGÓN TAY CHỈ TRẮNG 2
Trực chỉ đề cương (Tái bản lần 1)
- 4) NGÓN TAY CHỈ TRẮNG 3
Trực chỉ đề cương (Tái bản lần 1)
- 5) NGÓN TAY CHỈ TRẮNG 4
Trực chỉ đề cương (Tái bản lần 1)
- 6) NGÓN TAY CHỈ TRẮNG 5
Trực chỉ đề cương (Tái bản lần 1)
- 7) NGÓN TAY CHỈ TRẮNG 6
Trực chỉ đề cương (Tái bản lần 1)
- 8) NGÓN TAY CHỈ TRẮNG 7 - Thơ
- 9) NHỮNG CHIẾC LÁ TRONG TAY (tập 1)

SẼ XUẤT BẢN :

NGÓN TAY CHỈ TRẮNG 8 – Thơ
NHỮNG CHIẾC LÁ TRONG TAY (tập 2)

KINH LUẬN DO HT. THÍCH TỪ THÔNG
Biên Dịch

ĐÃ XUẤT BẢN :

- 1) PHÁP HOA KINH
Thâm Nghĩa Đề Cương (Tái bản lần 5)
- 2) BÁT NHÃ BA LA MẬT KINH
Trực Chỉ Đề Cương (Tái bản lần 3)
- 3) KIM CANG BÁT NHÃ BA LA MẬT KINH
Trực Chỉ Đề Cương
- 4) DUY MA CẬT SỞ THUYẾT KINH
Trực Chỉ Đề Cương (Tái bản lần 4)
- 5) THỦ LĂNG NGHIÊM KINH
Trực Chỉ Đề Cương (Tái bản lần 5)
- 6) NHƯ LAI VIÊN GIÁC KINH
Trực Chỉ Đề Cương (Tái bản lần 4)
- 7) CHỨNG ĐẠO CA
Trực Chỉ Đề Cương (Tái bản lần 5)
- 8) DUY THỨC HỌC YẾU LUẬN
Trực Chỉ Đề Cương (Tái bản lần 5)
- 9) ĐẠI BÁT NIẾT BÀN KINH
Trực Chỉ Đề Cương (Tái bản lần 1)